



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

8

Tháng 4 - 2016

THỨ TRƯỞNG LÊ QUANG HÙNG LÀM CHỦ TỊCH HỘI HỮU NGHỊ VIỆT NAM - ALGERIA NHIỆM KỲ 2016 - 2020

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2016



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng - Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Algeria nhiệm kỳ 2016 - 2020 nhận hoa chúc mừng của các đại biểu



Thứ trưởng Lê Quang Hùng tặng quà lưu niệm nguyên Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Algeria Nguyễn Trần Nam

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BẢY

8

SỐ 8 - 4/2016



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2016 của Ban Chỉ đạo Trung ương - Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 5
- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 7
- Chính phủ ban hành Nghị định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng 10

Văn bản của địa phương

- Tỉnh Bình Định ban hành Quyết định quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh 12

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN
CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN
CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
ThS. PHẠM KHÁNH LÝ
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội nghị thẩm định Quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 16
- Hội thảo giữa kỳ “Xây dựng Chiến lược phát triển đô thị quốc gia” 18
- Bộ Xây dựng thẩm định hai Đề án đề nghị nâng loại đô thị của tỉnh Tây Ninh 20
- Kỹ thuật BIM hỗ trợ xây dựng xanh 22
- Phân tích những điểm quan trọng trong kỹ thuật thi công nhà cao tầng 24
- Phương pháp mới nâng cao chất lượng bê tông cốt thép 26

Thông tin

- Thứ trưởng Lê Quang Hùng làm Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Algeria nhiệm kỳ 2016 - 2020 28
- Hội thảo Tăng cường quản lý an toàn lao động trong xây dựng 29
- Mô hình nâng cao chất lượng xây dựng và cung cấp dịch vụ của các chủ thể kinh tế tại một số quốc gia 31
- Giá trị các công trình theo tiêu chuẩn LEED 35
- Trung Quốc: Tỉnh Hắc Long Giang thúc đẩy phát triển xây dựng xanh 40
- Thúc đẩy cải cách hệ thống quản lý quy hoạch ở Trung Quốc 43

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW**Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2016 của Ban Chỉ đạo Trung ương - Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

Ngày 01 tháng 4 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 524/QĐ-TTg về Chương trình công tác năm 2016 của Ban Chỉ đạo Trung ương - Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Nhiệm vụ trọng tâm của Quyết định này là tập trung đầu tư phát triển các công trình hạ tầng cơ bản trên địa bàn xã, thôn (giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, thủy lợi), hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường; tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn; từng bước tạo chuyển biến rõ nét về vệ sinh, môi trường, cảnh quan nông thôn theo hướng xanh - sạch - đẹp; xây dựng đời sống văn hóa nông thôn; giữ vững an ninh, trật tự xã hội và quốc phòng trên địa bàn nông thôn.

Các nội dung cần tập trung chỉ đạo: Các địa phương chủ động lựa chọn những vấn đề bức xúc về sản xuất và cải thiện đời sống của người dân trên từng địa bàn để tập trung chỉ đạo, tạo chuyển biến rõ rệt, trong đó ưu tiên chỉ đạo và hướng dẫn các xã dưới 05 tiêu chí và xã khó khăn. Hoàn thiện thủ tục phê duyệt, hướng dẫn triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và triển khai hiệu quả Kế hoạch năm 2016; Hoàn

thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình giai đoạn 2016 - 2020 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 100/2015/QH13 của Quốc hội; hướng dẫn các cơ quan Trung ương, địa phương xây dựng và triển khai Kế hoạch trung hạn thực hiện Chương trình giai đoạn 2016 - 2020; hoàn thiện phương án, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016, kinh phí khen thưởng cho các địa phương đã được công nhận trong giai đoạn 2011- 2015; hướng dẫn các địa phương nguyên tắc, tiêu chí phân bổ các nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2016 hỗ trợ thực hiện Chương trình (bao gồm vốn Trái phiếu Chính phủ, vốn Đầu tư phát triển và chi thường xuyên). Điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí xây dựng nông thôn mới cấp xã và cấp huyện: Nghiên cứu Điều chỉnh hoặc bổ sung hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp xã cho phù hợp với Điều kiện đặc thù của các vùng theo hướng không hạ thấp tiêu chuẩn, chất lượng của các tiêu chí; rà soát, xây dựng tiêu chí nông thôn mới ở mức cao hơn cho các xã, huyện đã được công nhận đạt chuẩn giai đoạn 2010 - 2015, nhất là đối với các tiêu chí về tổ chức sản xuất, tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển ngành nghề... Hoàn thiện cơ chế chính sách và các văn bản hướng dẫn: Xây dựng bổ

sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù cho các xã khó khăn (khu vực miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, biên giới, hải đảo, vùng bãi ngang ven biển, đồng bằng sông Cửu Long); chính sách thúc đẩy liên kết sản xuất; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách bảo vệ môi trường nông thôn...

Đẩy mạnh chỉ đạo phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp: Tập trung đẩy nhanh thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp ở mỗi địa phương gắn với phát triển ngành nghề, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn nông thôn, chú trọng công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp sử dụng nhiều lao động; phổ biến và nhân rộng phong trào “Mỗi làng một sản phẩm” gắn với xây dựng thương hiệu; tập trung chỉ đạo, thực hiện Đề án “thí Điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020”; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất bao gồm cả nông nghiệp công nghệ cao; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu phát triển sản xuất hàng hóa ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Tập trung chỉ đạo cải thiện chất lượng môi trường nông thôn: Tổ chức tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, kiến thức phân loại, xử lý rác cho từng hộ gia đình; tập trung xử lý vấn đề rác thải, nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi. Khắc phục ô nhiễm ở các làng nghề, áp dụng công nghệ xử lý tiến bộ và các hình thức tổ chức phù hợp với Điều kiện từng địa phương để xử lý hiệu quả rác thải, nước thải; xây dựng phương án đưa các cơ sở chăn nuôi lớn và ngành nghề tiểu thủ công nghiệp nông thôn vào khu tập trung để kiểm soát việc xử lý môi trường, hạn chế ô nhiễm; phát động mạnh mẽ phong trào xây dựng khu dân cư kiểu mẫu

(Trong đó, nội dung tập trung xử lý môi trường, xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp ở từng hộ và cộng đồng dân cư.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển giáo dục, y tế và xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới, giữ vững an ninh, trật tự nông thôn: Xây dựng đời sống văn hóa nông thôn; giữ gìn và phát huy nét truyền thống văn hóa tốt đẹp của từng vùng, từng dân tộc, nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa cơ sở để đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa của người dân nông thôn; Cải thiện chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người dân nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc; tập trung xử lý các Điểm nóng về trật tự xã hội nông thôn; đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, chú trọng xây dựng và nhân rộng mô hình tự quản về an ninh trật tự.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát: Kiểm tra, giám sát việc phân bổ và sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình ở các địa phương; việc thực hiện Quyết định 1996/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng Điều phối giúp Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới các cấp; kiểm tra, đánh giá qui trình xem xét công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới ở các địa phương và việc thực hiện nâng cao chất lượng tiêu chí đối với các xã, huyện đã được công nhận đạt chuẩn.

Nâng cao năng lực bộ máy Ban Chỉ đạo, giúp việc các cấp: Thống nhất chỉ đạo kiện toàn Ban chỉ đạo bộ máy giúp việc các cấp theo hướng chuyên nghiệp; tiếp tục hoàn thiện Bộ Tài liệu chuẩn, tăng cường tập huấn, nâng cao kiến thức xây dựng nông thôn mới cho đội ngũ cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp;

Tăng cường thu hút các nguồn lực cho

Chương trình: Yêu cầu các Bộ, ngành xem xét, huy động tăng nguồn lực để cân đối, bố trí thực hiện Chương trình; các địa phương phải có trách nhiệm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo quy định của Chính phủ và chủ động lồng ghép nguồn vốn của các chương trình khác; tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp phù hợp với khả năng; thực hiện các hình thức đối tác công tư, huy động các nguồn lực từ xã hội, các doanh nghiệp đóng góp vào sự nghiệp xây dựng nông thôn mới; tích cực huy động nguồn vốn hỗ trợ phát triển ODA, vốn vay ưu đãi của các tổ chức quốc tế, trong đó có Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á, Quỹ Phát triển nông nghiệp quốc tế...

Nâng cao hiệu quả công tác thi đua, tuyên truyền: Đẩy mạnh phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn

2016 - 2020; chú trọng đến công tác tuyên truyền, quảng bá các mô hình tiêu biểu, các cách làm hay, sáng tạo cũng như kịp thời uốn nắn những biểu hiện sai lệch chạy theo thành tích trong quá trình thực hiện Chương trình.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong xây dựng nông thôn mới: Tăng cường công tác thông tin, truyền thông cho các tổ chức quốc tế về Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để thúc đẩy hợp tác phát triển; trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ nguồn lực của các nước và tổ chức quốc tế khác cho thực hiện Chương trình.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

Ngày 04 tháng 4 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 537/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Về kinh tế tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân hàng năm 7 - 7,5%; giai đoạn 2021 - 2025 tăng 7%; giai đoạn 2026 - 2030 tăng 6,9%. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt Khoảng 3.000 USD; năm 2025 đạt Khoảng 4.400 - 4.500 USD, năm 2030 Khoảng 6.800 - 6.900 USD. Cơ cấu kinh tế trọng tâm đến năm 2030 phát triển ngành dịch vụ (49,0%), công nghiệp xây dựng (35,3%), ngư nông lâm (13,1%), thuế NK, thuế SP (2,6%).

Về xã hội: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2020 giảm còn khoảng 1%; Tỷ lệ lao động nông

ng nghiệp năm 2020 giảm còn 60%; năm 2025 còn khoảng 50%; năm 2030 còn khoảng 40%; Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm 1,5%; trong đó tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân từ 2 - 3%/năm (theo chuẩn nghèo từng giai đoạn); số bác sỹ bình quân/1 vạn dân năm 2020 là 12 bác sỹ, năm 2025 là 14 bác sỹ và năm 2030 là 16 bác sỹ; Giữ vững chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở đã được công nhận; từng bước phổ cập giáo dục Trung học phổ thông ở những nơi có điều kiện; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2020 đạt 70%; năm 2025 đạt 90% và năm 2030 đạt 100%; tỷ lệ nhà ở kiên cố năm 2020 đạt 55%, năm 2030 đạt 75%; giảm tỷ lệ nhà tạm đơn sơ xuống còn 1% vào năm 2020, đến năm 2030 cơ bản không còn nhà tạm đơn sơ.

Về môi trường phấn đấu tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh năm 2025 đạt 95%; năm 2030 đạt 100%; tỷ lệ rác thải đô thị và khu, cụm công nghiệp được thu gom xử lý năm 2025 đạt 90%; năm 2030 đạt trên 95%; đến năm 2020 đảm bảo 100% số cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô lớn và thành phố Cà Mau có hệ thống xử lý nước thải; đến năm 2025 các đô thị loại IV có hệ thống xử lý nước thải.

Đối với ngành ngư nông lâm nghiệp đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; tập trung phát triển các sản phẩm tinh có lợi thế, nhất là thủy hải sản gắn với chế biến, tiêu thụ để nâng cao thu nhập bền vững cho nông dân; tiếp tục thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ xuyên suốt của cả hệ thống chính trị và là sự nghiệp của toàn dân. Nuôi trồng thủy sản chủ yếu là nuôi tôm với nhiều hình thức nuôi để phát triển bền vững, tiếp tục tăng nhanh diện tích nuôi tôm quảng canh cải tiến, nuôi tôm sinh thái. Cây lúa là cây trồng chính, giữ ổn định diện tích chuyên canh lúa trong vùng ngọt hóa, phát triển sản xuất lúa gạo hữu cơ, lúa mùa đặc sản. Quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, nhất là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đẩy mạnh giao rừng cho hộ gia đình quản lý, chăm sóc, bảo vệ.

Xây dựng nông thôn mới văn minh, giàu đẹp có kinh tế phát triển, kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, đảm bảo trật tự xã hội. Đến năm 2020 có 50% số xã trong tỉnh đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới; đến năm 2025 có khoảng 80% số xã và phấn đấu cơ bản hoàn thành Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới vào năm 2030.

Phát triển mạnh kinh tế dịch vụ, tập trung vào các ngành có tiềm năng và các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể

dục thể thao; tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại. Tập trung phát triển du lịch sinh thái, du lịch biển đảo, thực hiện liên kết phát triển du lịch trong nước và quốc tế. Phát triển nhanh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có tác dụng thúc đẩy các ngành sản xuất và dịch vụ khác như vận tải, viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ tư vấn, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ xây dựng, bất động sản...

Phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất để tăng nhanh số trường đạt chuẩn quốc gia, đến năm 2025 có trên 90% và đến năm 2030 có 100% trường học các cấp trong tỉnh đạt chuẩn quốc gia.

Đối với ngành y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân, cần tăng cường công tác y tế dự phòng, thực hiện có hiệu quả các chương trình Mục tiêu về y tế; xây dựng đồng bộ mạng lưới khám, chữa bệnh từ tỉnh đến cơ sở, từng bước hiện đại hóa về cơ sở vật chất, trang thiết bị; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ và y đức đội ngũ cán bộ y tế.

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, văn hóa cộng đồng; tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng khu phố văn minh; tăng cường đầu tư thiết chế văn hóa trên cơ sở đẩy mạnh xã hội hóa; thực hiện tốt công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử. Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng rộng khắp, thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, đẩy mạnh giáo dục thể chất trong trường học, lực lượng vũ trang.

Phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tập trung vào các lĩnh vực thiết yếu như giao thông, thủy lợi, hệ thống cấp thoát nước; trong đó hạ tầng giao thông là khâu đột phá

phát triển. Về đường bộ đầu tư giai đoạn 2 tuyến đường Hành lang ven biển phía Nam qua tỉnh Cà Mau; tuyến tránh quốc lộ 1 qua nội ô thành phố Cà Mau; hoàn thành nâng cấp, mở rộng quốc lộ 63; nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1; sau năm 2020 triển khai đầu tư tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau... đầu tư nâng cấp các tuyến đường từ tỉnh đến trung tâm huyện. Cải tạo nâng cấp các tuyến đường thủy do Trung ương quản lý đạt tiêu chuẩn đường thủy nội địa theo cấp quy định; khai thác có hiệu quả các tuyến vận tải đường thủy như: Tuyến Duyên Hải - Cà Mau, tuyến TP.HCM - Cà Mau, tuyến Rạch Giá - Cà Mau. Đến năm 2020 giữ nguyên hệ thống đường cất hạ cánh, đường lăn hiện hữu, hệ thống sân đỗ tàu bay, đảm bảo 02 vị trí đỗ tàu bay ATR72 và tương đương. Trong tương lai xem xét có kế hoạch di chuyển Cảng hàng không Cà Mau ra khỏi khu vực nội ô thành phố Cà Mau.

Quản lý khai thác có hiệu quả hệ thống cấp nước sinh hoạt đô thị, các khu, cụm công nghiệp và nước sinh hoạt nông thôn hiện có gắn với bảo vệ nguồn nước ngầm, vận động sử dụng tiết kiệm nguồn nước sinh hoạt. Đầu tư cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, sớm hoàn thành dự án thoát nước thành phố Cà Mau, đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị Sông Đốc, Năm Căn. Phát triển hệ thống lưới truyền tải và phân phối điện theo quy hoạch điện lực, đảm bảo cấp điện an toàn, liên tục cho các phụ tải công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, dịch vụ và điện sinh hoạt, có nguồn điện dự phòng từ 10 - 20%; giảm tổn thất điện năng.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng an ninh, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng các khu vực phòng thủ vững chắc, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Định hướng phát triển không gian lãnh thổ theo 2 phân vùng kinh tế gồm vùng kinh tế nội

địa (thành phố Cà Mau, huyện Thới Bình và huyện Cái Nước); vùng kinh tế biển và ven biển gồm các huyện tiếp giáp với biển U Minh, Trần Văn Thời, Phú Tân, Năm Căn, Ngọc Hiển và Đầm Dơi. Phấn đấu nâng tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đến năm 2025 lên 42% và năm 2030 đạt 50%. Mở rộng, nâng cấp các đô thị hiện có, xây dựng một số trung tâm xã, các cụm kinh tế có tiềm năng hình thành một số đô thị mới. Phấn đấu xây dựng thành phố Cà Mau sớm đạt tiêu chí đô thị loại I; hoàn thiện đô thị Sông Đốc và Năm Căn theo tiêu chuẩn đô thị loại IV; nâng cấp thị trấn Cái Nước, Đầm Dơi, Rạch Gốc, Thới Bình, Trần Văn Thời, U Minh đạt tiêu chí đô thị loại IV.

Các giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch

Đối với ngân sách nhà nước: Ưu tiên đầu tư các dự án hạ tầng không huy động được nguồn lực xã hội. Nâng cao chất lượng tăng trưởng để tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo nguồn chi đầu tư phát triển; phấn đấu tăng thu ngân sách, cắt giảm tối đa các Khoản chi thường xuyên chưa cần thiết để tăng chi đầu tư phát triển, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ đầu tư cấp thiết. Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương đầu tư các dự án lớn trên địa bàn tỉnh và hỗ trợ vốn đầu tư theo các Chương trình Mục tiêu, Chương trình Mục tiêu quốc gia, nguồn vốn ODA, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

Đối với vốn của các doanh nghiệp nhà nước, các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước thì cần khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Đối với vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong nước và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, cần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và phương thức xúc tiến đầu tư; thu hút đầu tư nhất là các dự án có quy mô lớn, công nghệ cao vào Khu kinh tế Năm Căn, các khu, cụm công nghiệp của tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng bằng nhiều hình thức như hợp tác công - tư (PPP), xã hội hóa đầu tư các lĩnh vực giáo dục và đào tạo,

y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường.

Thực hiện quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, tập trung nâng cao chất lượng đào tạo chuyên nghiệp, đào tạo nghề cho lao động, nhất là lao động nông thôn; Thực hiện các chính sách thu hút và đãi ngộ để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý có trình độ, có năng lực về lĩnh vực công tác, đào tạo bồi dưỡng và đưa trí thức trẻ xuống cơ sở.

Tăng chi ngân sách cho hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ, từng bước hình thành thị trường khoa học và công nghệ; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đổi mới công nghệ và sản xuất sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; huy

động nguồn lực tài chính, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật. Tăng cường tham gia các hoạt động Điều phối phát triển vùng kinh tế trọng Điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long, phối hợp với các tỉnh trong vùng thực hiện vai trò, nhiệm vụ của vùng kinh tế trọng Điểm theo sự Điều phối chung, nhất là các dự án liên vùng, liên tỉnh. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong thời kỳ mới.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Chính phủ ban hành Nghị định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

Ngày 05 tháng 4 năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/2016/NĐ-CP về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

Nghị định này bao gồm các nguyên tắc hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng: Tất cả các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phải được quy hoạch; việc quy hoạch, đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tuân thủ pháp luật về quy hoạch, xây dựng, bảo vệ môi trường; , sử dụng hình thức táng mới văn minh, hiện đại nhằm tiết kiệm tối đa đất, kinh phí xây dựng và đảm bảo yêu cầu môi trường và cảnh quan xung quanh; việc táng được thực hiện trong các nghĩa trang, trường hợp táng trong các khuôn viên nhà thờ, nhà chùa, thánh thất tôn giáo phải bảo đảm vệ sinh môi trường và được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân các cấp theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; vệ sinh trong mai táng, hỏa táng và vệ sinh trong xây dựng, quản lý, sử

dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng thực hiện theo quy định của Bộ Y tế; các đối tượng bảo trợ xã hội khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng theo quy định hiện hành; người sử dụng dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng phải tuân thủ các quy định về quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; cơ quan quản lý nhà nước về nghĩa trang theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; kiến nghị hoặc xử lý các vi phạm về quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn theo thẩm quyền.

Quy định diện tích đất tối đa cho phần mộ cá nhân: Diện tích sử dụng đất cho mỗi phần mộ hung táng và chôn cất một lần tối đa không quá 05 m²; diện tích sử dụng đất cho mỗi phần mộ cát táng tối đa không quá 03 m².

Quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh cần đánh giá về hiện trạng: Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội; vị trí, quy mô nghĩa trang, cơ sở hỏa táng,

nhà tang lễ; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và các tác động đến môi trường; Dự báo nhu cầu táng, các hình thức táng theo từng giai đoạn quy hoạch; nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ; xác định vị trí, quy mô nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ (xây dựng mới, đóng cửa di dời hoặc cải tạo mở rộng); khoảng cách an toàn môi trường và kết nối công trình hạ tầng kỹ thuật; đề xuất các giải pháp quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch nghĩa trang;

Quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng tuân thủ theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng bao gồm xác định ranh giới nghĩa trang, cơ sở hỏa táng; các yêu cầu về điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng; xác định các hình thức táng trong nghĩa trang; các chỉ tiêu kỹ thuật, các yêu cầu về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật.

Trường hợp cơ sở hỏa táng được xây dựng ngoài nghĩa trang, nội dung quy hoạch chi tiết xây dựng cơ sở hỏa táng bao gồm xác định ranh giới, quy mô xây dựng cơ sở hỏa táng; phân tích, đánh giá hiện trạng đất xây dựng, các điều kiện tự nhiên, địa hình, địa chất thủy văn, hạ tầng kỹ thuật, môi trường khu vực quy hoạch xây dựng; xác định công nghệ hỏa táng, nhu cầu hỏa táng, quy mô lò hỏa táng, chỉ tiêu sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật. Giải pháp kết nối với các công trình hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài phạm vi lập quy hoạch;

Xây dựng mới hoặc mở rộng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phải tuân theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh. Các công trình hạ tầng kỹ thuật trong nghĩa trang và cơ sở hỏa táng phải được xây dựng đồng bộ. Xây dựng mộ, bia mộ, nhà lưu tro cốt và các công trình trong nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng; Kích thước, kiểu dáng các mộ, bia mộ và khoảng cách giữa các lô mộ, hàng mộ, các mộ; kích thước ô để l

tro cốt phải tuân thủ theo quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng.

Cải tạo nghĩa trang cần xác lập ranh giới nghĩa trang theo quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh, quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang đã được phê duyệt; trồng cây xanh xung quanh và trong nghĩa trang; cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật trong nghĩa trang; đối với diện tích đất chưa sử dụng phải phân khu vực táng rõ ràng, phân lô mộ, nhóm mộ, hàng mộ; quy định về diện tích, kích thước và kiến trúc mộ.

Khi di chuyển các nghĩa trang và phần mộ riêng lẻ cần phải thông báo về việc di chuyển; tiến hành công tác di chuyển vào các nghĩa trang được xây dựng và quản lý theo quy hoạch; trong quá trình di chuyển phải bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện các chính sách về giải tỏa, đền bù theo quy định của pháp luật.

Các quy định chung về quản lý, sử dụng nghĩa trang bao gồm: Nghĩa trang phải được xây dựng theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh; các nghĩa trang đang hoạt động hoặc đã đóng cửa phải được định kỳ chăm sóc, bảo quản, gìn giữ phần mộ, tro cốt tại các nhà lưu giữ, duy tu bảo dưỡng các công trình trong nghĩa trang; bảo đảm các quy định về vệ sinh môi trường trong nghĩa trang; khoảng cách an toàn môi trường từ hàng rào nghĩa trang tới khu dân cư, công trình công cộng phải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng.

Việc quản lý sử dụng đất trong nghĩa trang phải tuân thủ theo quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định hiện hành khác, đảm bảo sử dụng đất mai táng đúng mục đích; diện tích đất tối đa sử dụng cho phần mộ cá nhân (không bao gồm diện tích đất giao thông giữa các lô mộ, hàng mộ); đối với nghĩa trang được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tỷ lệ đất mai

táng đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hình thức quản lý quỹ đất này để phục vụ cho các đối tượng chính sách xã hội khi chết trên địa bàn, phù hợp với điều kiện của địa phương và quy mô, phạm vi phục vụ của dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang.

Các quy chế quản lý nghĩa trang bao gồm: Các quy định về ranh giới, quy mô nghĩa trang và các khu chức năng trong nghĩa trang; các quy định về xây dựng, cải tạo, chỉnh trang, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì các công trình xây dựng, các phần mộ trong nghĩa trang; quy định về các loại dịch vụ trong nghĩa trang và giá dịch vụ nghĩa trang, giá chuyển nhượng quyền sử dụng phần mộ cá nhân; các quy định về việc tiếp nhận đăng ký, tổ chức mai táng; lưu giữ tro cốt trong nghĩa trang; các quy định về hoạt động lễ nghi, chỉ dẫn khách thăm viếng, tưởng niệm và quản lý các hoạt động trong nghĩa trang; các quy định về bảo vệ nghĩa trang và bảo vệ môi trường; các hành vi vi phạm và quy định xử phạt; trách nhiệm của đơn vị quản lý và người sử dụng dịch vụ, thăm viếng nghĩa trang.

Quy định chung về quản lý, sử dụng cơ sở hỏa táng bao gồm: Phải được xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh; đối với cơ sở hỏa táng được xây dựng ngoài nghĩa trang thì khoảng cách an toàn môi trường từ công trình hỏa táng tới khu dân cư, công trình công cộng phải đảm bảo tối thiểu 500m; cơ sở

hỏa táng phải sử dụng công nghệ hỏa táng hiện đại, đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động của cơ sở hỏa táng phải được thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo môi trường theo quy định. Người sử dụng dịch vụ hỏa táng được hỗ trợ chi phí hỏa táng, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có). Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương quy định về hỗ trợ chi phí hỏa táng, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có) cho các đối tượng sử dụng dịch vụ hỏa táng.

Các cơ sở hỏa táng cần xây dựng các nội quy quản lý và thực hiện dịch vụ hỏa táng theo đúng giá đã được niêm yết công khai; thực hiện đúng quy trình quản lý vận hành, định kỳ kiểm tra, bảo trì các thiết bị liên quan; lập sổ theo dõi và lưu trữ hồ sơ các ca hỏa táng; Ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn hoặc tự xử lý chất thải rắn phát sinh từ cơ sở hỏa táng tuân thủ theo các quy định của pháp luật về quản lý chất thải.

Các chi phí dịch vụ nghĩa trang, hỏa táng bao gồm dịch vụ tổ chức tang lễ, vận chuyển linh cữu, tro cốt và lưu bình tro, cốt sau hỏa táng (nếu có), chôn cất và xây dựng mộ (bao gồm phần dưới và trên mặt đất), chăm sóc, bảo quản, bảo trì, vệ sinh môi trường.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 5 năm 2016.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Tỉnh Bình Định ban hành Quyết định quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh

Ngày 04 tháng 3 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số

20/2016/QĐ-UBND quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu vực đô thị, điểm dân cư nông thôn, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. UBND thành phố Quy Nhơn, UBND thị xã An Nhơn và UBND các huyện (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh là chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn, khu vực mình quản lý.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải tuân theo các quy định của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. Đánh giá thực trạng mức sống, khả năng và sự sẵn sàng đấu nối, thực hiện nghĩa vụ chi trả giá sử dụng dịch vụ thoát nước của người dân khu vực dự án; đồng thời để người dân được biết các thông tin về dự án, chất lượng dịch vụ được hưởng sau khi dự án hoàn thành. Lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ theo tiêu chí quy định tại Điều 16 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; ưu tiên sử dụng công nghệ thích hợp, thân thiện với môi trường. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải thực hiện đồng bộ từ mạng cống cấp 1, 2, 3; đấu nối hệ thoát nước, đến nhà máy xử lý nước thải, cửa xả ra môi trường.

Quyết định này cũng quy định quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải bao gồm lựa chọn, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý vận hành với đơn vị chuyên nghiệp để quản lý vận hành và cung cấp dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải; Giám sát và kiểm tra hệ thống thoát nước và các hạng mục của hệ thống này theo định kỳ và đột xuất; không can thiệp vào các công việc liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và hoạt động tài chính của

đơn vị thoát nước, bao gồm cả các vấn đề về quản lý nhân sự, phương pháp vận hành hệ thống và các vấn đề cụ thể khác; Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, không bán, cho thuê hoặc nhượng quyền quản lý các tài sản cố định đã giao cho đơn vị thoát nước quản lý vận hành khi chưa được sự đồng ý của đơn vị thoát nước; chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm lập và cung cấp cho đơn vị thoát nước 01 (một) bản danh mục về các công trình của hệ thống thoát nước, các bản vẽ hoàn công các công trình đã được xây dựng (nếu có); có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các nội dung và giá trị hợp đồng hàng năm của hợp đồng quản lý vận hành; thẩm định và phê duyệt tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước; đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho đơn vị thoát nước; phê duyệt đúng thời hạn các kế hoạch đầu tư do đơn vị thoát nước lập trong việc sửa chữa lớn, thay thế, phục hồi và mở rộng hệ thống thoát nước; hỗ trợ đơn vị thoát nước trong việc đấu nối các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

Bên cạnh đó, Quyết định này cũng quy định quyền của đơn vị thoát nước gồm có ký hợp đồng dịch vụ thoát nước với hộ thoát nước và thực hiện các điều khoản theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết; Trực tiếp thu tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung; được đề nghị với các cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy phạm, quy chuẩn, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; được đề xuất các kế hoạch, quy hoạch, cải tạo, mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải. Được làm chủ đầu tư các công trình xây dựng, cải tạo, thay thế và mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trong phạm vi quản lý; được quyền từ chối nhận bàn giao công trình thoát nước và xử lý nước thải nếu chất lượng công trình không đảm bảo theo quy định; giải quyết miễn trừ đấu nối hoặc cho phép hai hộ thoát nước hoặc nhiều hộ được đấu nối

vào cùng một vị trí đầu nối và một hố kiểm tra.

Đơn vị thoát nước có nghĩa vụ lập và trình chủ sở hữu phê duyệt tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước; đảm bảo việc cung cấp, duy trì ổn định dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải cả về chất lượng và số lượng; quản lý tài sản, hồ sơ tài sản, thiết lập và lưu trữ cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng; kiểm tra, đánh giá tình trạng hoạt động của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đảm bảo việc thu gom, xử lý và xả nước vào môi trường, sửa chữa kịp thời các trục trặc, hư hỏng; bảo vệ an toàn, đảm bảo vận hành hiệu quả, tiết kiệm trong quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo quy định; kiểm soát việc xây dựng đúng quy cách đường ống nối từ nhà ra tới hố kiểm tra kể cả chất lượng vật liệu và kỹ thuật thi công công trình...

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước mưa theo quy trình quản lý hệ thống, bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, nạo vét, duy tu, bảo dưỡng các tuyến cống, mương, hố ga, cửa thu nước mưa, bảo đảm dòng chảy theo thiết kế; định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng các tuyến cống, các công trình thuộc mạng lưới, kịp thời đề xuất phương án thay thế, sửa chữa, phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước thải, định kỳ kiểm tra độ kín, lắng cặn tại các điểm đầu nối, hố ga và tuyến cống để lập kế hoạch nạo vét, sửa chữa, bảo trì cống và công trình trên mạng lưới, quan trắc chất lượng nước thải; thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành... Các hộ thoát nước được phép xả nước thải sinh hoạt trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đầu nối. Đối với các loại nước thải khác thì các hộ phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm Quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đầu nối.

Bùn thải được phân loại để quản lý và lựa chọn công nghệ xử lý phù hợp, góp phần giảm chi phí vận chuyển, chi phí xử lý. Bùn thải được phân loại, lựa chọn công nghệ xử lý, việc thu gom, vận chuyển và xử lý thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của Nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải.

Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải hoặc tại những khu vực đã được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thoát nước là đối tượng bắt buộc phải đầu nối vào hệ thống thoát nước trừ trường hợp tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung;

Các hộ thoát nước trong quá trình sử dụng bể tự hoại tùy theo các thông số thiết kế của bể, định kỳ phải làm sạch và hút cặn bể bằng kinh phí của hộ thoát nước. Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn bể tự hoại phải sử dụng các phương tiện chuyên dụng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Đơn vị quản lý vận hành thoát nước phải xây dựng "Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước" đồng thời công bố với hộ thoát nước làm căn cứ để đánh giá việc thực hiện dịch vụ.

Khi hộ thoát nước vi phạm các quy định về thoát nước mà không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu hộ thoát nước khắc phục. Sau 15 (mười lăm) ngày mà hộ thoát nước không chấp hành thì đơn vị thoát nước ra thông báo lần thứ hai, nếu sau 15 (mười lăm) ngày tiếp theo mà hộ thoát nước vẫn không chấp hành thì đơn vị thoát nước được phép ngừng dịch vụ thoát nước. Khi hộ thoát nước vi phạm các quy định về thoát nước có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước tiến hành lập biên bản và yêu cầu hộ thoát nước phải khắc phục ngay. Nếu hộ thoát nước không chấp hành thì bị xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời đơn vị thoát nước được

quyền ngừng dịch vụ thoát nước. Dịch vụ thoát nước được khôi phục sau khi hộ thoát nước đã khắc phục hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định. Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải có văn bản thông báo cho các hộ thoát nước có liên quan biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước.

Hộ thoát nước xả nước thải vào hệ thống thoát nước phải thanh toán giá sử dụng dịch vụ thoát nước theo quy định. Hộ thoát nước xả

nước thải trực tiếp ra môi trường có nghĩa vụ trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật hiện hành. Giá dịch vụ thoát nước được lập và phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn định giá dịch vụ thoát nước.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.binhdingh.gov.vn)

Hội nghị thẩm định Quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030

Ngày 19/4/2016 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định Quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (KTTĐ) đến năm 2030 với sự tham dự của đại diện các Bộ, ngành liên quan, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành và UBND 7 tỉnh, thành phố liên quan. Được sự ủy quyền của lãnh đạo Bộ Xây dựng, Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng - PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến chủ trì Hội nghị.

Báo cáo các thành viên Hội đồng thẩm định tại Hội nghị về nội dung của Đồ án, đại diện tư vấn - Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia cho biết, Đồ án quy hoạch quản lý chất thải rắn (CTR) vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 đã được đơn vị tư vấn lập theo Quyết định số 525/QĐ-BXD ngày 14/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt nhiệm vụ đồ án “Quy hoạch quản lý CTR vùng KTTĐ Bắc Bộ” và các pháp luật có liên quan đến công tác lập quy hoạch và quản lý CTR. Phạm vi nghiên cứu của đồ án gồm 7 tỉnh, thành phố gồm Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh và Vĩnh Phúc, với tổng diện tích tự nhiên khoảng 15.591km², dân số trên 15 triệu người. Mục tiêu của việc lập quy hoạch này nhằm điều chỉnh quy hoạch các khu xử lý CTR cấp vùng liên tỉnh thuộc vùng KTTĐ Bắc Bộ, đảm bảo xử lý triệt để, tái chế, tái sử dụng chất thải, hạn chế chôn lấp, nâng cao hiệu quả công tác xử lý CTR, đặc biệt là CTR nguy hại (đối với các khu xử lý CTR cấp vùng tỉnh, đồ án chỉ rà soát, đánh giá trên cơ sở các quy hoạch quản lý CTR do các tỉnh, thành phố lập); Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi về mặt cơ chế cho việc đầu tư các khu xử lý CTR cấp vùng tỉnh có đủ năng lực xử lý CTR thông thường, CTR nguy hại theo cơ chế thị trường trong phạm vi vùng KTTĐ Bắc Bộ; Xã



Toàn cảnh Hội nghị

hội hóa công tác quản lý CTR; Phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải tại nguồn, tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải; Làm cơ sở cho việc rà soát, điều chỉnh và lập các đồ án quy hoạch quản lý CTR, quy hoạch cơ sở quản lý CTR, các dự án đầu tư xây dựng thuộc lĩnh vực thu gom và xử lý CTR trong phạm vi vùng.

Theo báo cáo của tư vấn, trong quá trình lập đồ án, tư vấn đã tiến hành khảo sát, thu thập số liệu về thực trạng công tác quản lý CTR trên địa bàn nghiên cứu; rà soát, đánh giá việc triển khai và các kết quả thực hiện Quy hoạch xây dựng khu xử lý CTR 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1440/QĐ-TTg ngày 6/10/2008 (Quy hoạch 1440), cũng như rà soát, đánh giá các dự án đã và đang thực hiện tại các tỉnh, thành phố trong vùng, đánh giá tổng quan về các công nghệ xử lý CTR đang áp dụng. Việc đánh giá thực trạng công tác quản lý CTR được tiến hành đối với từng loại đối tượng CTR gồm sinh hoạt, công nghiệp, y tế, xây dựng, bùn thải, làng nghề, nông nghiệp, đồng thời dự báo lượng rác thải phát sinh đến năm 2030.

Trên cơ sở đó, tư vấn đã lập quy hoạch quản lý CTR vùng KTTĐ Bắc Bộ đến năm 2030 với các nội dung về định hướng lựa chọn công

nghệ xử lý CTR, phương thức thu gom, - phân loại, vận chuyển - xử lý CTR, dự báo nhu cầu quỹ đất xây dựng khu liên hợp xử lý CTR các tỉnh thuộc vùng, phân vùng thu gom, vận chuyển và xử lý CTR, quy hoạch 01 khu liên hợp xử lý CTR cấp vùng liên tỉnh và 06 khu cơ sở xử lý CTR cấp vùng tỉnh, lộ trình thực hiện quy hoạch và các dự án ưu tiên đầu tư...

Đánh giá về đồ án, các chuyên gia phản biện của Hội đồng cho rằng, công tác quản lý CTR hiện nay là rất khó khăn đối với hầu hết các vùng, các tỉnh, thành phố và đã đến lúc không thể quản lý CTR theo từng địa phương mà tiến tới quản lý CTR liên tỉnh, liên đô thị. Việc triển khai lập quy hoạch quản lý CTR vùng KTTĐ Bắc Bộ đến năm 2030 là hết sức cần thiết, nhằm điều chỉnh quy hoạch quản lý CTR của 7 tỉnh, tăng cường thu gom, tái chế và xử lý CTR theo chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Theo các chuyên gia phản biện, đồ án đã được nghiên cứu công phu, số liệu điều tra khảo sát phong phú, bám sát yêu cầu của nhiệm vụ đề ra và tiếp thu, cập nhật các ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành và địa phương liên quan.

Theo ý kiến của các thành viên Hội đồng, do phạm vi nghiên cứu của Đồ án là vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ - một vùng có nhiều biến động lớn về phát triển kinh tế xã hội trong những năm tới trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời cũng là vùng chịu sự tác động lớn của biến đổi khí hậu, do đó việc dự báo lượng phát thải cũng như nhu cầu xử lý các loại CTR đến năm 2030 cần được cân nhắc dựa theo các định hướng phát triển kinh tế xã hội và xu hướng công nghệ.

Các thành viên Hội đồng nhất trí đánh giá: Đồ án đã tổng hợp được hiện trạng quản lý CTR theo từng loại và sơ bộ tổng hợp về CTR nguy hại, rà soát quy hoạch xây dựng khu xử lý CTR vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đã được Thủ tướng phê duyệt và đánh giá thực trạng quy

hoạch xây dựng và các quy hoạch chuyên ngành của 7 tỉnh, các quy hoạch xử lý CTR lưu vực sông Nhuệ - Đáy, sông Cầu trong vùng.

Theo các thành viên Hội đồng, hiện nay ở nhiều địa phương cũng như trên tầm quốc gia cho thấy chúng ta còn nhiều lúng túng trong việc lựa chọn công nghệ xử lý CTR phù hợp, nhiều nhà máy xử lý CTR sau khi được xây dựng xong không phát huy được hiệu quả, gây lãng phí đầu tư công. Do đó, nhóm nghiên cứu đồ án đã tiến hành tổng hợp các công nghệ xử lý CTR đang được áp dụng trong và ngoài nước, đề xuất các bước lựa chọn công nghệ cũng như đề xuất cách tiếp cận tổng hợp trong xử lý CTR là những ưu điểm của đồ án. Nhóm nghiên cứu cũng đề xuất 6 khu xử lý CTR có tính liên tỉnh là phù hợp, đã phân tích, đánh giá môi trường chiến lược các yếu tố mang tính tích lũy tổng hợp trong quản lý CTR...

Bên cạnh những kết quả đạt được của đồ án, các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng thẩm định đã trao đổi và đóng góp thêm một số ý kiến đề nghị tư vấn làm rõ, và bổ sung để đồ án được hoàn thiện hơn.

Theo đó, các chuyên gia của Hội đồng cho rằng, các dữ liệu trong đồ án khá phong phú nhưng nội dung quy hoạch còn dài dòng, khó nắm bắt; không nên đưa CTR xây dựng và phân bùn bể phốt vào cùng một loại chất thải; các bản đồ đã nêu rõ khu liên hợp xử lý và các trạm trung chuyển nhưng trong báo cáo chưa rõ; đã tổng hợp các công nghệ xử lý CTR nhưng chưa đề xuất các định hướng cụ thể về từng loại công nghệ xử lý; chưa đề xuất quy định quản lý CTR, đặc biệt là đối với việc quản lý CTR liên vùng tỉnh; cần quy hoạch rõ các trạm trung chuyển cũng như các khu xử lý tập trung CTR nguy hại...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nguyễn Hồng Tiến cho biết, quản lý CTR là vấn đề khó khăn, nan giải đối với từng địa phương, từng vùng tỉnh và liên tỉnh. Trong thực tế triển khai Quy hoạch 1440 trong 8

năm qua đã cho thấy có rất nhiều khó khăn, trong khi đó, điều kiện kinh tế - xã hội đã thay đổi, nhiều quy hoạch mới có liên quan đã được phê duyệt là các lý do cho việc lập quy hoạch này. Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nguyễn Hồng Tiến đề nghị đơn vị tư vấn tổng hợp, rà soát và tiếp thu các ý kiến đóng góp của các thành viên

Hội đồng, đồng thời lưu ý đơn vị tư vấn cần rà soát lại các bản đồ, sơ đồ, địa danh, cập nhật số liệu để hoàn thiện báo cáo thuyết minh đồ án, trình Bộ Xây dựng để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Minh Tuấn

Hội thảo giữa kỳ “Xây dựng Chiến lược phát triển đô thị quốc gia”

Ngày 20/4/2016, tại Khu đô thị sinh thái Ecopark, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị giữa kỳ về “Xây dựng chiến lược phát triển đô thị quốc gia - giai đoạn 1” với sự tham dự của đại diện các Bộ, ngành liên quan, các Hội, Hiệp hội nghề nghiệp, các tổ chức và nhà tài trợ quốc tế trong lĩnh vực phát triển đô thị. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh đến dự và phát biểu tại Hội thảo.

Trong bài tham luận mở đầu Hội thảo, bà Nguyễn Thị Hà Anh - Phó Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Bộ Xây dựng đã giới thiệu khái quát về thực trạng phát triển đô thị Việt Nam và sự cần thiết phải xây dựng Chiến lược phát triển đô thị quốc gia (Chiến lược).

Theo bà Hà Anh, quá trình đô thị hóa của Việt Nam đang diễn ra nhanh chóng và liên quan trực tiếp đến quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Hiện nay, dân số đô thị của Việt Nam đạt khoảng 35,7%, tương ứng khoảng trên 32 triệu cư dân đô thị, và ước tính đến năm 2020 sẽ có khoảng 40% dân số Việt Nam sẽ sống trong các khu vực đô thị. Tính đến tháng 12/2015, Việt Nam có 787 đô thị từ loại V trở lên và đô thị đã trở thành động lực quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân của Việt Nam, đóng góp của khu vực đô thị chiếm khoảng 70 - 75% tổng thu ngân sách nhà nước, riêng 5 đô thị trực thuộc trung ương đã đóng góp khoảng 52,6% GDP cả nước.



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội thảo

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn về phát triển đô thị, hệ thống đô thị Việt Nam cũng bộc lộ nhiều bất cập về chất lượng hạ tầng, khả năng đáp ứng các nhu cầu về dịch vụ xã hội cho người dân cũng như năng lực ứng phó hiệu quả đối với những thách thức trong bối cảnh mới, trong đó có các thách thức về biến đổi khí hậu và quản lý tài nguyên; hệ thống pháp luật về quản lý phát triển đô thị là những công cụ cốt lõi để chỉ đạo, định hướng và kiểm soát quá trình phát triển hệ thống đô thị Việt Nam những năm qua đã mang lại những lợi ích quan trọng nhưng cũng cần điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển trong bối cảnh hiện nay và trong thời gian tới. Chính vì vậy, việc xây dựng Chiến lược phát triển đô thị quốc gia như một công cụ chính để thúc đẩy phát triển đô thị tại cả hai cấp độ trung ương và địa phương, và qua đó cung cấp các chương trình đầu tư cụ thể nhằm huy động nguồn lực cho

phát triển hơn nữa hệ thống đô thị quốc gia là hết sức cần thiết.

Bà Hà Anh cũng cho biết, trong giai đoạn 1 (dự kiến kết thúc vào tháng 9/2016) của Dự án “Xây dựng Chiến lược phát triển đô thị quốc gia” với sự hỗ trợ kỹ thuật của tổ chức Liên minh Các Thành phố, nhóm nghiên cứu sẽ tiến hành các hoạt động như: Điều tra, khảo sát và tập hợp các thông tin cơ bản về thực trạng đô thị Việt Nam; Đánh giá tổng quan hiện trạng phát triển hệ thống đô thị Việt Nam, làm rõ các bất cập, tồn tại; Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong chuẩn bị Chiến lược phát triển đô thị quốc gia; Nghiên cứu đề xuất các mục tiêu của Chiến lược phát triển đô thị quốc gia.

Tại Hội thảo, các chuyên gia trong nước và quốc tế đã trình bày các tham luận liên quan đến việc xây dựng Chiến lược, như vấn đề hoàn thiện khung chính sách phát triển đô thị; xây dựng bộ chỉ số đánh giá đô thị; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý phát triển đô thị; phát triển nhà ở xã hội, những thách thức của biến đổi khí hậu, công tác quản lý vệ sinh môi trường tại đô thị...

Phát biểu tại Hội thảo, ông Lawrie Wilson - tư vấn quốc tế về Quy hoạch đô thị và quản lý phát triển cho rằng, để thực hiện việc quy hoạch và quản lý phát triển đô thị có hiệu quả không thể chỉ do một cơ quan quản lý duy nhất là Bộ Xây dựng. Đô thị là một khái niệm bao trùm và thuộc trách nhiệm của nhiều Bộ, ngành khác nhau. Do đó, Chiến lược Phát triển đô thị quốc gia của Việt Nam (NUDS) cần bao gồm tất cả các chính sách thuộc lĩnh vực phát triển đô thị, không phân biệt cơ quan chủ quản. NUDS sẽ đóng vai trò cầu nối để quản lý phát triển đô thị một cách đồng bộ.

Theo ông Pablo Vaggione - chuyên gia Tây Ban Nha tham dự Hội thảo, Chính sách phát triển đô thị của Việt Nam cần hướng tới việc xác định tầm nhìn và một chuỗi các hành động và cần được Chính phủ trung ương chỉ đạo thực hiện. Chính sách phát triển đô thị sẽ cung cấp



Toàn cảnh Hội thảo

một khung chính sách quốc gia để hỗ trợ chính quyền các địa phương giải quyết những thách thức cụ thể như là phát triển đồng bộ các đô thị, vùng ngoại ô và nông thôn, giải quyết các tác động của biến đổi khí hậu trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý hành chính. Chính sách phát triển đô thị quốc gia không nên quy định các chỉ tiêu chi tiết và các tiêu chuẩn thay cho các quyết định quy hoạch của địa phương.

Tham luận của nhóm chuyên gia Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tại Hội thảo đã nhấn mạnh vai trò của Quan hệ đối tác phát triển đô thị. Theo đó, sự phức tạp của đô thị khiến cho việc xây dựng quan hệ đối tác trở nên quan trọng. Các quan hệ đối tác thành công thường giúp các bên có thể đạt được một gói các lợi ích và chi phí hấp dẫn, từ đó tạo ra giá trị cho cả nhóm. Khả năng tạo ra giá trị nằm ở năng lực khác nhau của các bên trong việc tạo ra những đóng góp nhất định và cùng nhau chia sẻ rủi ro. Để hiện thực hóa các tiềm năng đó, cần phân bổ chi phí và rủi ro một cách hợp lý cho mỗi bên. Việc hình thành một quan hệ đối tác sẽ giúp xây dựng niềm tin giữa các bên và tạo điều kiện cho nhiều cam kết và đóng góp quan trọng khác được tạo ra.

Theo các chuyên gia ADB, Quan hệ đối tác phát triển đô thị là một phương tiện nhằm liên kết các chủ thể tại địa phương và tạo ra giá trị xã hội, kinh tế và môi trường. Đối tác phát triển đô thị là diễn đàn mà trong đó vai trò của các bên được phân định rõ ràng và là nơi các cam

kết được tạo ra. Chính sự phức tạp liên quan đến các vấn đề đô thị và sự tham gia của nhiều bên khiến việc sử dụng phương tiện hợp tác này trở nên đặc biệt quan trọng và nhằm có được thành công.

Các đại biểu tham dự Hội thảo đại diện Vụ KHCN và môi trường Bộ Xây dựng, Tổng hội Xây dựng Việt Nam và Tổ chức Định cư Liên hợp quốc tại Việt Nam (UN-Habitat) cũng đã phát biểu trao đổi về một số nội dung cần nghiên cứu và đưa vào Chiến lược.

Phát biểu tổng kết hội thảo, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh bày tỏ cảm ơn các đại biểu, chuyên gia trong nước và quốc tế đã tham dự Hội thảo, có bài tham luận và đóng góp ý kiến cho việc xây dựng Chiến lược phát triển đô thị quốc gia.

Theo Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh, trong những năm qua, Quốc hội, Chính phủ Việt Nam đã ban hành một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật tương đối đầy đủ về việc quản lý và thúc đẩy sự phát triển của các đô thị, thể hiện khá rõ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, qua theo dõi cho thấy, sự phát triển mở rộng quy mô của đô thị, tăng số lượng đô thị trong thời gian qua chưa đồng

bộ với chất lượng đô thị, những vấn đề về chuyển đổi ranh giới hành chính của các đô thị, không gian kinh tế, nhân khẩu học đô thị còn chưa được thực hiện theo đúng các định hướng, mặt khác, bản thân các định hướng trước đây đã được ban hành cũng đã trở nên lạc hậu và không phù hợp với tình hình thực tế phát triển đô thị.

Đánh giá cao ý nghĩa của Hội thảo này và những bài tham luận tâm huyết, nghiêm túc của các chuyên gia trong nước và quốc tế đã giúp cho nhóm nghiên cứu có thêm những góc nhìn khác nhau trong quá trình xây dựng Chiến lược, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh tin tưởng rằng, sau giai đoạn nghiên cứu, Chiến lược phát triển đô thị quốc gia sẽ được hoàn thiện và trở thành một khung chính sách quan trọng, một công cụ giúp Chính phủ tăng cường kiểm soát công tác phát triển đô thị và đặt nền móng cơ sở mang tính nghiên cứu phục vụ các quyết định về phát triển đô thị trong tương lai, thu hẹp khoảng trống hiện tại giữa các mục tiêu phát triển nêu trong Chương trình phát triển đô thị quốc gia và chương trình phát triển đô thị tại các địa phương...

Minh Tuấn

Bộ Xây dựng thẩm định hai Đề án đề nghị nâng loại đô thị của tỉnh Tây Ninh

Ngày 21/4/2016 tại Cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đã chủ trì Hội nghị thẩm định hai Đề án đề nghị công nhận thị trấn Hòa Thành (huyện Hòa Thành) và thị trấn Trảng Bàng (huyện Trảng Bàng) - tỉnh Tây Ninh là đô thị loại IV. Thay mặt chính quyền địa phương, Phó chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh Nguyễn Mạnh Hùng, đại diện Sở Xây dựng tỉnh, lãnh đạo UBND các huyện Hòa Thành và Trảng Bàng đã tham dự Hội nghị.

Trình bày nội dung Đề án đề nghị công nhận thị trấn Hòa Thành (huyện Hòa Thành) là đô thị loại IV, Chủ tịch UBND huyện - ông Nguyễn

Nam Hưng cho biết: Thị trấn Hòa Thành là đô thị huyện lỵ của huyện Hòa Thành (tỉnh Tây Ninh); là đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng của tỉnh. Tiếp giáp thành phố Tây Ninh về phía Nam, thị trấn gắn liền với thành phố trong phát triển văn hóa, xã hội và kết cấu hạ tầng kinh tế, tạo sự kết hợp thành chùm đô thị Hòa Thành - Tây Ninh. Là trung tâm đạo Cao Đài, đây là nơi tập trung nhiều hoạt động về văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo mang tầm khu vực và quốc gia, đặc biệt là các lễ hội của đạo Cao Đài gắn liền với Tòa thánh Tây Ninh. Với lợi thế về cảnh quan, kiến trúc công trình độc đáo và văn hóa



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị thẩm định



Ông Nguyễn Nam Hưng - Chủ tịch UBND huyện Hòa Thành báo cáo đề án đề nghị nâng loại thị trấn Hòa Thành với Hội đồng thẩm định

truyền thống, Hòa Thành rất có tiềm năng phát triển dịch vụ du lịch, trở thành một đô thị có bản sắc văn hóa đặc trưng. Các khu du lịch Núi Bà Đen, khu du lịch Tòa thánh Tây Ninh, khu liên hiệp du lịch sinh thái Gò Kén, khu du lịch sinh thái Bàu Cà Na sẽ tạo mạng lưới liên kết phát triển kinh tế tổng thể cho huyện. Ngoài ra, các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện và thành phố Tây Ninh (cụm công nghiệp Tân Bình tại thành phố Tây Ninh; cụm công nghiệp Bến Kéo, Trường Hòa tại Hòa Thành) sẽ tạo động lực phát triển kinh tế cho toàn huyện, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng mà mũi nhọn là các ngành công nghiệp, dịch vụ du lịch và thương mại.

Được sự quan tâm của chính quyền các cấp, Hòa Thành đã và đang tập trung xây dựng, phát huy các thế mạnh trên địa bàn, đạt được nhiều chuyển biến đáng khích lệ về mọi mặt. Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật của thị trấn phát triển vượt bậc trong những năm qua. Hệ thống giao thông tương đối hoàn chỉnh được định hình theo mạng ô cờ và phân cấp các tuyến đường hợp lý. Đặc biệt, Quốc lộ 22B kết nối huyện và các đô thị trên hành lang kinh tế cửa khẩu Xa Mát (đoạn qua Hòa Thành) được nâng cấp, và đường cao tốc song song Quốc lộ 22B dự kiến sẽ được xây dựng trong thời gian tới sẽ là những yếu tố góp phần thúc đẩy giao thương cho huyện và toàn tỉnh. Nhiều công

trình như Trung tâm thương mại Long Hoa, Trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao, Trung tâm Giáo dục thường xuyên của tỉnh và của huyện, bệnh viện đa khoa Hòa Thành, nhà hát, thư viện... góp phần tạo diện mạo ngày càng khang trang cho thị trấn, đồng thời thể hiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân trên địa bàn ngày càng được quan tâm cải thiện. Tới nay, thị trấn Hòa Thành về cơ bản đã đủ điều kiện để được công nhận là đô thị loại IV.

Về Đề án đề nghị công nhận thị trấn Trảng Bàng (huyện Trảng Bàng) là đô thị loại IV, Chủ tịch UBND huyện Trần Văn Minh cho biết: “Thị trấn Trảng Bàng là đô thị huyện lỵ của huyện Trảng Bàng (tỉnh Tây Ninh); nằm trên trục Quốc lộ 22, cách trung tâm Tp. Hồ Chí Minh 52 km; cách cửa khẩu Mộc Bài 30 km. Có thể nói, Trảng Bàng là cầu nối quan trọng giữa tỉnh Tây Ninh với các địa phương khác trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là hạt nhân đối trọng phía Tây bắc của Vùng Tp. Hồ Chí Minh. Trong những năm qua, kinh tế xã hội của thị trấn có những bước tiến nhanh và vững vàng, với thế mạnh là công nghiệp đa ngành. Đây là đô thị trung tâm công nghiệp của tỉnh, với rất nhiều khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp tập trung đã và đang được đầu tư xây dựng như KCN Trảng Bàng, KCN & chế xuất Linh Trung 3, KCN & Đô thị Phước Đông - Bời Lời, Vườn công nghiệp An Hòa,... Hiện nay, cơ sở hạ tầng

trên địa bàn đã tương đối hoàn chỉnh; nền kinh tế có mức tăng trưởng cao, GDP tăng đều hàng năm. Năm 2014, thu nhập bình quân đầu người toàn thị trấn tương đương 1410 USD bằng 0,71 lần so với mức bình quân trên cả nước - đạt mức tối đa so với tiêu chí của đô thị loại IV. Cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ; đời sống nhân dân từng bước được nâng cao, phúc lợi xã hội được chú trọng. Tốc độ đô thị hóa trên địa bàn tương đối nhanh, diện mạo và chất lượng đô thị được quan tâm nâng cấp dần. Nhiều công trình dự án trên địa bàn đã hoàn thành và đi vào sử dụng như dự án Công viên 29 tháng Tư, dự án xây dựng nhà ở phố thương mại thị trấn Trảng Bàng, siêu thị CoopMart Trảng Bàng, nhà Truyền thống huyện Trảng Bàng... Việc nâng cấp Trảng Bàng lên đô thị loại IV là cần thiết, nhằm khẳng định vị trí tiềm năng của thị trấn, đồng thời tạo động lực để Trảng Bàng tiếp tục phát triển, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và Vùng Tp. Hồ Chí Minh.

Nhận xét về hai Đề án, các báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị, các ý kiến phản biện và ý kiến của các thành viên Hội đồng đều nhất trí việc nâng loại hoàn toàn phù hợp với hiện trạng phát triển của các địa phương, và phù hợp với Chương trình Phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1659/QĐ-TTg, và chủ

tương của UBND tỉnh Tây Ninh về xây dựng và phát triển các thị trấn.

Phát biểu kết luận, bên cạnh việc đánh giá cao nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân các địa phương, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng đề nghị lãnh đạo tỉnh Tây Ninh và các huyện Hòa Thành, Trảng Bàng nhanh chóng rà soát điều chỉnh lại các quy hoạch, trên cơ sở đó xây dựng chương trình phát triển đô thị phù hợp, cụ thể hóa các nguồn lực thực hiện, xác định các dự án ưu tiên, tạo đà cho các đô thị sau khi được nâng loại tiếp tục phát triển, hướng tới mục tiêu trở thành thị xã trong tương lai không xa.

Đối chiếu với 49 tiêu chí thuộc 06 nhóm chỉ tiêu quy định trong Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về phân loại đô thị, và theo Thông tư số 34/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng, Thứ trưởng nhất trí với Hội đồng thông qua hai Đề án với điểm số trung bình tương ứng là 84,24 và 85,39.

Thay mặt Hội đồng, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh bày tỏ mong muốn các thị trấn sau khi được nâng loại sẽ tiếp tục phát huy tiềm năng lợi thế của mình, gìn giữ và phát triển bản sắc của từng địa phương, đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của toàn tỉnh Tây Ninh, Vùng Tp. Hồ Chí Minh và khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia.

Lệ Minh

Kỹ thuật BIM hỗ trợ xây dựng xanh

Ngành Xây dựng là ngành tiêu thụ nhiều tài nguyên và năng lượng. Trong quá trình sản xuất, ngành Xây dựng cũng là một trong những ngành đứng hàng đầu về phát sinh rác thải và tiếng ồn. Thực hiện tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải trong xây dựng, đổi mới khoa học kỹ thuật hiệu quả có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển bền vững, đây cũng là phương hướng nỗ lực của các đơn vị thi

công xây dựng. Kỹ thuật BIM (Building Information Modeling - Mô hình Thông tin xây dựng) là một mô hình tổ chức sản xuất xây dựng mới, nó có ưu thế to lớn trong nhiều phương diện như tối ưu hóa hệ thống, điều chỉnh nguồn tài nguyên...

Cùng với sự hoàn thiện không ngừng trong các chiến lược phát triển bền vững, những năm gần đây, ngành Xây dựng phát triển mạnh mẽ

và có tầm ảnh hưởng ngày càng cao đối với xã hội và môi trường, trong khi đó, sự ra đời của các khái niệm thi công công trình xanh đã tạo ra sự đột phá và ảnh hưởng to lớn tới tư tưởng quản lý toàn diện trong các dự án xây dựng.

Ứng dụng kỹ thuật thi công xanh trong xây dựng không chỉ đảm bảo các yêu cầu cơ bản như chất lượng, an toàn..., thông qua quản lý khoa học và tiến bộ kỹ thuật để thực hiện tiết kiệm tối đa tài nguyên và giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực từ các hoạt động thi công đối với môi trường, thực hiện “4 tiết kiệm, 1 bảo vệ môi trường (tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm đất đai, tiết kiệm nước, tiết kiệm vật liệu và bảo vệ môi trường), thực hiện tận dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, đất đai, nguồn nước, vật liệu, các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời. Công trình xanh cũng là công trình tiết kiệm năng lượng, còn công trình tiết kiệm năng lượng là công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng. Trong quá trình xây dựng, việc ứng dụng kỹ thuật thi công tiết kiệm năng lượng sẽ giúp công trình giảm thiểu hao phí năng lượng trong quá trình sử dụng, đây là nhân tố quan trọng và là con đường tất yếu để thực hiện công trình xanh.

BIM là một kỹ thuật mới dẫn dắt kỹ thuật thông tin ngành Xây dựng bước lên một tầm cao mới. Nó dựa vào thiết kế 3D tiên tiến nhất, tạo diễn đàn hợp tác khoa học “mô phỏng và phân tích” cho những người liên quan ở các khâu như các nhà thiết kế, các kiến trúc sư, các kỹ sư điện nước và điều hòa không khí, các nhà khai thác và cuối cùng là người sử dụng, giúp họ tận dụng mô hình 3D để tiến hành thiết kế, xây dựng và vận hành quản lý dự án. Trọng tâm của kỹ thuật BIM là một kho số liệu được hình thành từ mô hình 3D trên máy tính, những dữ liệu này được điều chỉnh trong quá trình của công trình, đồng thời có thể kịp thời sử dụng một cách chính xác các số liệu có liên quan trong kho số liệu hệ thống, đẩy nhanh việc ra quyết định, nâng cao chất lượng quyết định, từ

đó nâng cao chất lượng dự án, giảm chi phí dự án. Kỹ thuật này đã được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực xây dựng công trình trên phạm vi toàn cầu và đang phát triển không ngừng.

Giá trị ứng dụng của kỹ thuật BIM trong ngành Xây dựng chủ yếu được thể hiện ở những phương diện sau:

- Thiết kế công trình dựa theo BIM: *Thứ nhất*, có thể căn cứ theo mô hình 3D tự động tạo ra các loại đồ họa và văn bản nhưng đều có tương quan logic với mô hình. Khi mô hình phát sinh biến đổi, các đồ họa và văn bản có liên quan sẽ được tự động cập nhật. *Thứ hai*, thực hiện chia sẻ thông tin giữa các chuyên ngành khác nhau. Các hệ thống CAD chuyên dụng có thể thu được các tham số thiết kế và thông tin liên quan cần thiết trong mô hình hệ thống, giảm thiểu sự trùng lặp, dư thừa hay sai sót về số liệu. *Thứ ba*, thực hiện hợp tác thiết kế giữa các chuyên ngành. Đối tượng mà chuyên ngành nào đó đề cập bị sửa đổi, đối tượng thiết kế của chuyên ngành khác cũng sẽ cập nhật theo đó. *Thứ tư*, thực hiện thiết kế ảo và thiết kế thông minh, thực hiện kiểm tra thiết kế, phân tích hao phí năng lượng, dự toán chi phí...

- Quản lý thi công dựa theo BIM: *Thứ nhất*, có thể thực hiện quản lý bàn giao dự án tích hợp (IPD, Integrated Project Delivery). Tập hợp các bên tham gia chủ yếu trong giai đoạn thiết kế, tập trung vào toàn vòng đời dự án, sử dụng kỹ thuật BIM để tiến hành thiết kế ảo, xây dựng, bảo trì và quản lý. *Thứ hai*, có thể thực hiện quản lý thi công 4D năng động, tích hợp và trực quan. Có thể đưa công trình và mô hình hiện trường thi công 3D liên kết với tiến độ thi công, đồng thời tích hợp với tài nguyên thi công và thông tin bố trí hiện trường, thiết lập nên mô hình thông tin thi công 4D. Thực hiện quản lý tích hợp đối với tiến độ, nhân lực, vật liệu, thiết bị, chi phí và bố trí hiện trường công trình trong giai đoạn thi công, đồng thời mô phỏng trực quan hóa quá trình thi công. *Thứ ba*, có thể thực hiện sự hợp tác giữa các bên tham gia dự án.

Chia sẻ thông tin về các bên tham gia dự án, dựa vào mạng internet để thực hiện đệ trình, kiểm tra, phê duyệt và tận dụng các tài liệu, bản vẽ, video, đồng thời thông qua hợp tác qua mạng internet để tiến hành đàm phán, bàn bạc, thực hiện hợp tác quản lý giữa các bên quần chúng tham gia. Thứ tư, có thể thực hiện thi công ảo. Thực hiện quá trình xây dựng trên máy tính, trước khi xây dựng thực tế có thể tiến hành dự đoán đối với chức năng và các vấn đề tiềm năng có thể xây dựng của dự án, bao gồm phương pháp thực nghiệm thi công, mô phỏng quá trình thi công và tối ưu hóa phương án thi công...

- Vận hành bảo vệ và quản lý công trình theo BIM: Thứ nhất, ứng dụng tổng hợp kỹ thuật GIS, liên kết BIM và kế hoạch quản lý bảo trì, thực hiện quản lý trực quan, thông minh khi tích hợp công tác quản lý công trình và việc giám sát, kiểm soát các thiết bị tòa nhà. Thứ hai, dựa theo BIM tiến hành phân tích hao phí năng lượng và kiểm soát tiết kiệm năng lượng trong giai đoạn vận hành. Thứ ba, kết hợp tác động môi trường và sự phá hoại của các tai họa trong giai đoạn vận hành, dựa vào sự tổn hại về kết cấu hư hỏng của vật liệu và sự phá hoại của các tai họa để tiến hành phân tích và dự báo về tính an toàn, tính bền của kết cấu xây dựng.

Cùng với sự phát triển sâu hơn của công nghệ thông tin, kỹ thuật BIM đang tạo sự chuyển biến to lớn cho ngành Xây dựng, có ảnh hưởng sâu sắc tới mô hình quản lý truyền thống, thay đổi phương thức hợp tác của các bên tham gia dự án. Kỹ thuật này được thể hiện thông qua phần mềm và công nghệ truyền thông, hình thành kho số liệu công trình hoàn chỉnh, cung cấp các phương án giải quyết toàn diện đối với công tác quản lý công trình, có thể giúp các doanh nghiệp thi công tiến hành kiểm soát toàn quá trình thực hiện dự án một cách hiệu quả hơn, từ đó có được ưu thế cạnh tranh.

Phát triển xanh là một mục tiêu lớn và lâu dài. Phát triển xanh, xây dựng xã hội tiết kiệm tài nguyên, thân thiện môi trường là mục tiêu của nhiều quốc gia. Thông qua việc ứng dụng thành công kỹ thuật BIM vào trong quá trình quản lý thi công để thực hiện phân bổ hợp lý tài nguyên xây dựng, chắc chắn sẽ tạo ra những ảnh hưởng sâu rộng tới công tác quản lý thi công xanh.

Vương Vũ

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc
Trung Quốc, số 22/2015*

ND: Kim Nhạn

Phân tích những điểm quan trọng trong kỹ thuật thi công nhà cao tầng

I. Đặc điểm thi công nhà cao tầng

Nhà cao tầng do đặc điểm tự thân của nó cho nên trong quá trình thi công có rất nhiều yếu tố khác biệt so với thi công các công trình thông thường. Thi công nhà cao tầng có những đặc điểm nổi bật sau đây:

1. Nhà cao tầng có độ sâu khai thác móng lớn

Nhà cao tầng có tải trọng lớn, vì vậy phần đất móng trong phạm vi cần thiết phải được tiến hành xử lý. Ví dụ, khi đóng cọc móng hoặc xây

dựng các tầng hầm tương đối sâu, các yếu tố rủi ro ảnh hưởng tới các tác nghiệp trong khi thi công có thể từ phần đất ngầm phân tán ra bên ngoài phạm vi công trường, gây tổn thất lớn về tài sản khi sản xuất hay khi đào móng gây ra vỡ đường ống nước đô thị, hoặc khi sử dụng các ống lọc nước xung quanh hố móng đã kiến đường bị lún, đường ống bị vỡ... Ngoài ra, do độ sâu hố móng của các nhà cao tầng khá lớn, những sự cố có thể phát sinh như vật thể xung quanh hố móng rơi xuống có thể làm chết người

hay công nhân làm việc và bị rơi xuống hố tử vong ... Vì vậy, thi công nhà cao tầng phải có các biện pháp để phòng và bảo vệ khu vực xung quanh móng sâu và các nhân viên thực hiện thi công phần móng.

2. Có nhiều tác nghiệp đan xen trong thi công nhà cao tầng

Do đặc điểm nhiều tầng, trong không gian thi công thẳng đứng, nhiều khu vực đều cần tiến hành làm việc, các tác nghiệp trên dưới các tầng cũng có thể tạo ra các sự cố gây thương vong. Thi công nhà cao tầng không tránh khỏi các tác nghiệp đan xen, vì vậy đơn vị thi công cần có các biện pháp an toàn hiệu quả để phòng tránh các sự cố có thể phát sinh.

II. Những đặc điểm quan trọng trong kỹ thuật thi công nhà cao tầng

1. Kỹ thuật thi công hố móng sâu

Thi công hố móng sâu là một hạng mục cơ sở trong thi công nhà cao tầng, tuy nhiên, kỹ thuật thi công hố móng sâu cũng là một điểm khó trong kỹ thuật thi công nhà cao tầng. Kỹ thuật này có liên quan tới chất lượng và sự an toàn trong thi công nhà cao tầng, trong đó, đào hố móng là một khâu khó mang tính toàn diện, nó có liên quan tới công tác thi công móng và thi công xây dựng tầng ngầm nhà cao tầng. Thi công hố móng sâu có liên quan tới rất nhiều nguyên lý động lực học, để cập tới vấn đề tác dụng của đất và các vấn đề về kết cấu hỗ trợ, đồng thời cũng liên quan tới điều kiện địa chất, môi trường ở địa điểm thi công. Khi tiến hành thi công hố móng sâu, nếu thiết kế kết cấu công trình bất hợp lý, việc xử lý các hiện tượng phát sinh khi thi công và đào đất không khoa học đều sẽ ảnh hưởng tới cơ sở hạ tầng và công trình xung quanh. Ví dụ, gây tổn hại tới các con đường xung quanh hay các đường ống ngầm bên dưới...

Khi tiến hành thi công hố móng sâu của nhà cao tầng, nhân viên thi công công trình cần căn cứ vào khả năng chịu tải của vật liệu và phạm vi giới hạn chịu tải để tiến hành tối ưu hóa

phương án thiết kế cho hệ thống hỗ trợ. Ngoài ra, cần chuẩn bị các phương án ứng phó khẩn cấp trước các sự cố bất ngờ trong quá trình thi công hố móng sâu nhằm đảm bảo an toàn trong thi công.

2. Kỹ thuật tạo hình kết cấu bảo vệ

Kết cấu bảo vệ chủ yếu phân thành 2 loại chính là tường bảo vệ và hệ thống hỗ trợ. Tường bảo vệ có các hình thức khác nhau, mỗi hình thức đều có những kỹ thuật thi công riêng. Thông thường, tường bảo vệ có tỷ lệ xi măng và nước duy trì từ 12% đến 14%. Nếu như lấy cường độ nén 30 ngày tuổi làm chuẩn thì cường độ của tường bảo vệ cần đạt từ 0,8 MPa trở lên.

3. Kỹ thuật thi công bê tông

Trong điều kiện thông thường, cường độ nén là một trong những chỉ tiêu quan trọng để xác định cường độ bê tông, chỉ tiêu này luôn liên quan tới lượng nước sử dụng và tỷ lệ xi măng. Khi tỷ lệ nước và xi măng cố định sẽ phối chế ra bê tông. Trong quá trình thi công, để đảm bảo cường độ nén của bê tông, cần lựa chọn mác xi măng hợp lý. Ngoài ra, tỷ lệ nước và xi măng cũng có liên quan tới cường độ của bê tông. Tỷ lệ nước/xi măng càng thấp thì cường độ bê tông càng cao. Vì vậy để nâng cao cường độ bê tông, cần đảm bảo tỷ lệ nước/xi măng hợp lý, việc nâng cao lượng xi măng sử dụng là không có căn cứ khoa học, trong điều kiện thông thường, tăng lượng xi măng chỉ có thể giúp cho các thao tác trộn, vận chuyển và thi công dễ dàng hơn, tăng độ co ngót và biến dạng của bê tông. Do đó, cường độ xi măng và tỷ lệ nước/xi măng là những nhân tố chủ đạo ảnh hưởng tới cường độ nén của bê tông. Trong quá trình thi công, cần tiến hành kiểm soát đối với hai khâu này, từ đó nâng cao chất lượng bê tông.

4. Kỹ thuật thi công tầng chuyển đổi kết cấu nhà cao tầng

Thông thường, tầng phía dưới kết cấu nhà cao tầng phải chịu áp lực khá lớn, trong khi áp lực mà tầng phía trên phải chịu lại khá nhỏ. Vì vậy, khi tiến hành bố trí thi công, phần bên dưới

kết cấu nhà phải có độ cứng lớn, mạng lưới cột dày, số lượng tường nhiều, còn bộ phận kết cấu bên trên sẽ giảm dần số lượng tường và cột, hơn nữa khoảng cách giữa các trục lân cận cũng sẽ tăng dần. Trên thực tế, để thỏa mãn yêu cầu chức năng của công trình cao tầng, phương thức trái ngược sẽ đc lựa chọn, tức là với không gian phía trên nhỏ, không gian bên dưới lớn, tường chịu lực của kết cấu bên trên làm chủ đạo, còn bên dưới, kết cấu khung làm chủ đạo. Mục đích này đã số được thực hiện thông qua bố trí tầng chuyển đổi kết cấu trong quá trình thi công, trong đó, kết cấu của tường chịu lực ở tầng chuyển đổi là hình thức chủ đạo trong kết cấu công trình cao tầng. Trên thực tế,

độ cao của tầng chuyển đổi có ảnh hưởng quan trọng đối với tính năng kháng chấn của nhà cao tầng. Nếu độ cao của tầng chuyển đổi lớn, nội lực đột biến giữa tầng trên dưới sẽ rõ rệt. Vì vậy, khi thiết kế kết cấu công trình cao tầng, cần hạn chế độ cao tầng chuyển đổi. Đối với kết cấu tường chịu lực khá thấp tại tầng chuyển đổi, có thể tăng độ dày của công trình, nâng cao cường độ bê tông cốt thép... để nâng cao tính năng kháng chấn cho công trình.

Trương Hoa Quân

Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc

Trung Quốc, số 1/2016

ND: Kim Nhan

Phương pháp mới nâng cao chất lượng bê tông cốt thép

Trong khuôn khổ cuộc hội thảo “Mô hình hóa thông tin, vòng đời công trình, công nghệ và vật liệu xây dựng cải tiến” diễn ra tại trường Đại học Tổng hợp Lomonosov (Moskva) mới đây, bài tham luận của TS. Sergei Sitnikov (Viện Nghiên cứu bê tông & bê tông cốt thép mang tên A. Gvozdev - Moskva) về đề tài công nghệ dưỡng hộ bê tông trong kết cấu bê tông cốt thép có ứng dụng việc kiểm soát nhiệt đã nhận được sự quan tâm đặc biệt. Công nghệ này cho phép gia tăng sản lượng và nâng cao chất lượng bê tông thương phẩm.

Công nghệ này có liên quan tới vấn đề ứng suất trước của bê tông (liên quan trực tiếp tới thi công các kết cấu cầu đường). Trong quá trình dưỡng hộ, bê tông trong các kết cấu này thường có sự phân tán nhiệt độ rất lớn, xuất hiện ứng suất nội, từ đó hình thành các khe nứt nhiệt. Theo TS. Sitnikov, thông thường, nhiệt độ trong bê tông khối lớn thường được giới hạn để tránh hiện tượng nứt và đảm bảo sự bền vững cho bê tông. Nhiệt độ cao nhất trong bê tông khối lớn không được vượt quá 570°C; chênh lệch nhiệt độ giữa tâm của khối bê tông và bề mặt không

được vượt quá 200°C. Nứt do nhiệt sẽ xảy ra do lớp trong giữ được nhiệt độ cao cản trở sự co lại của những lớp bê tông bên ngoài đã nguội đi, gây ứng suất nén ở lớp trong và ứng suất kéo ở lớp ngoài, dẫn đến biến dạng. Khi biến dạng này vượt quá sức chịu kéo của bê tông sẽ xuất hiện vết nứt. Điều này không xảy ra ngay mà phải sau nhiều năm. Nếu có biện pháp tốt cho việc kiểm soát nhiệt độ công trình bê tông khối lớn thì có thể đảm bảo nhiệt độ cực đại và sự chênh lệch nhiệt độ trong bê tông. Còn nếu hai yêu cầu này không được đảm bảo do không có biện pháp hiệu quả để kiểm soát nhiệt độ trong bê tông khối lớn có thể dẫn đến sự phá hủy trong kết cấu bê tông. Trong xây dựng hiện đại, kích thước khối đổ bê tông ứng dụng trong các công trình ngày càng lớn; yêu cầu lượng xi măng tối thiểu cao hoặc tỉ lệ nước so với chất kết dính thấp sẽ càng làm cho việc kiểm soát nhiệt độ trở nên khó khăn.

Việc cân bằng nhiệt độ trong các kết cấu toàn khối cho phép nhiệt độ được duy trì trong ngưỡng kiểm soát tại tất cả các mặt cắt của kết cấu. Điều kiện nhiệt độ nung và ninh kết bê

tông được kiểm soát dựa trên cơ sở tính toán ứng nhiệt vật lý của kết cấu và thành phần cấp phối bê tông. Kết quả là sự phân tán nhiệt độ trong thân kết cấu không vượt $\pm 2^{\circ}\text{C}$.

Cơ sở của phương pháp là nguyên tắc nung bê tông đồng đều trong toàn bộ kết cấu bê tông cốt thép; chú trọng những khu vực đặt cốt thép, mối nối trụ và một số khu vực khác của các mặt cắt (những nơi có sự chênh lệch lớn về nhiệt độ bê tông). Cần bù nhiệt tại các điểm này để đạt tới nhiệt độ cân bằng cần thiết.

Kết quả của quá trình là việc tập trung cường độ của bê tông được đẩy nhanh, thời gian dỡ khuôn được rút ngắn - sau khi đổ bê tông, khuôn có thể được tháo dỡ sau khoảng 24 giờ đồng hồ. Cường độ của bê tông sẽ được cải thiện nhờ sự xuất hiện các phần tử dưới dạng những tinh thể cực nhỏ trong toàn bộ thân kết cấu mà không có ứng suất nhiệt trong, không xuất hiện vết nứt. Do đó, cường độ thiết kế của bê tông gia tăng, có thể tới 30%, thậm chí hơn. Trong khi đó, thời gian bê tông đóng rắn có áp dụng phương pháp kiểm soát nhiệt độ sẽ giảm đáng kể (tối đa chỉ khoảng 15 giờ đồng hồ sau khi đổ bê tông, cùng với việc cân bằng nhiệt độ của bê tông với nhiệt độ môi trường xung quanh sau đó); đồng thời lượng năng lượng cần tiêu hao cho quá trình cũng giảm; thời hạn để dỡ khuôn sẽ rút ngắn.

Kết cấu như trên đã được áp dụng thành

công trong xây cầu đường; có thể lấy việc xây cầu qua sông Angara tại Iakurtsk làm ví dụ. Kết cấu hộp của các nhịp cầu và điều kiện thời tiết khí hậu tại đây khá phức tạp, song tại mỗi điểm cần thiết, chế độ nhiệt độ phù hợp đều được thiết lập.

Nói về việc ứng dụng kiểm soát nhiệt khi chế tạo các hầm ứng suất trước dành cho đường quốc lộ tại Vladivostok (Viễn Đông Nga), TS. Sitnikov khẳng định: “Trước đây người ta cho rằng không thể chế tạo được bê tông không nứt; nhưng chúng tôi đã làm được bê tông không nứt”.

Công nghệ cải tiến được áp dụng thành công không chỉ trong lĩnh vực xây dựng các công trình giao thông mà cả trong xây dựng nhà ở. Mới đây, khung cốt có nung đã được ứng dụng vào xây nhà ở tại thành phố Siolkovski (ngoại ô Moskva). Nhờ việc lựa chọn thành phần cấp phối bê tông, tính toán lý nhiệt, dây chuyền xây dựng và kiểm soát nhiệt khi đổ bê tông đã làm tiến độ xây nhà được đẩy nhanh - từ một tầng lên sáu tầng trong vòng một tháng mà không cần tăng lượng nhân công trên công trường thi công.

Aleksey Torba

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 3
ngày (22/1/2016)*

ND: Lê Minh

Thứ trưởng Lê Quang Hùng làm Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Algeria nhiệm kỳ 2016 - 2020

Ngày 22/4/2016, tại Hà Nội đã diễn ra Đại hội nhiệm kỳ III Hội Hữu nghị Việt Nam - Algeria (2016 - 2020). Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng; Đại biện lâm thời Đại sứ quán Algeria tại Việt Nam Amani Ferhat; Phó Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam Bùi Khắc Sơn; nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam - Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Algeria nhiệm kỳ II đã đến dự Đại hội.

Trong nhiệm kỳ 2009 - 2016, Hội Hữu nghị Việt Nam - Algeria đã có nhiều hoạt động tích cực nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa 2 nước, như: Tổ chức các hoạt động giao lưu gặp gỡ, cũng như các hoạt động văn hóa, văn nghệ, trao đổi thông tin. Bên cạnh đó, Hội cũng chú trọng tổ chức đi thăm các địa phương, giúp các thành viên Đại sứ quán tìm hiểu về đất nước, con người Việt Nam. Bằng những hoạt động thiết thực và hiệu quả, Hội Hữu nghị Việt Nam - Algeria đã trở thành cầu nối tin cậy, thân thiện để nhân dân 2 nước hiểu biết nhau nhiều hơn và gắn bó với nhau trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội.

Đại hội nhiệm kỳ III Hội Hữu nghị Việt Nam - Algeria đã thông qua Điều lệ sửa đổi, phương hướng hoạt động của Hội Hữu nghị Việt Nam - Algeria giai đoạn 2016 - 2020. Theo đó, Hội sẽ thường xuyên cập nhật và thông tin về đất nước Algeria theo chủ trương của Đảng và nhà nước, giới thiệu đường lối chính sách đối ngoại trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam cho nhân dân Algeria, tăng cường quan hệ đối tác phối hợp với Đại sứ quán Algeria tại Việt Nam và với Hội Hữu nghị Algeria - Việt Nam, tổ chức các hoạt động giao lưu, tiếp tục duy trì các hoạt động giao lưu, trao đổi thông tin với Đại sứ quán Algeria tại Việt Nam và tham gia các hoạt động do đơn vị này tổ chức, đồng thời phát huy vai trò cầu nối trung gian trong hợp tác, giao lưu giữa Việt Nam và Algeria với



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng - Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Algeria nhiệm kỳ 2016 - 2020 nhận hoa chúc mừng của các đại biểu



Thứ trưởng Lê Quang Hùng tặng quà lưu niệm nguyên Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Algeria Nguyễn Trần Nam

hình thức tổ chức phù hợp. Đại hội cũng đã bầu 22 đại biểu vào Ban chấp hành Hội Hữu nghị Việt Nam - Algeria khóa III. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng được bầu giữ chức Chủ tịch, các phó Chủ tịch gồm ông Lê Thương (Chủ nhiệm chi hội cựu chuyên gia y tế Việt Nam tại Algeria), ông Nguyễn Quốc Thập (Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam), bà Cảnh Bạch Yến (Hiệu trưởng trường THCS Việt Nam - Algeria).

Thay mặt Ban chấp hành Hội Hữu nghị Việt Nam - Algeria nhiệm kỳ 2016 - 2020, Thứ trưởng Lê Quang Hùng cho biết sẽ nỗ lực hết mình cùng Ban chấp hành thực hiện tốt phương hướng hoạt động của Hội đã được Đại hội nhất

trí thông qua. Thứ trưởng Lê Quang Hùng bày tỏ mong muốn trong nhiệm kỳ 2016 - 2020 sẽ nhận được sự chỉ đạo, giúp đỡ của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các vị lão thành, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam - Algeria, sự phối hợp nhiệt tình, có trách nhiệm và hiệu quả của các đồng chí trong Ban chấp hành Hội, toàn thể hội viên của Hội và các cơ quan hữu quan, các tổ chức chính trị, văn hóa... trong việc xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động của Hội.

Thứ trưởng Lê Quang Hùng trân trọng đề nghị Đại sứ Algeria tại Việt Nam, Đại biện lâm thời Amani Ferhat cũng như các cán bộ của Đại sứ quán Algeria, Hội Hữu nghị Algeria - Việt Nam với vai trò và uy tín của mình, tiếp tục cùng với phía Việt Nam có nhiều sáng kiến cũng như tổ chức các hoạt động hữu ích nhằm tăng cường sự gắn bó vì mục tiêu hòa bình, phồn vinh và tiến bộ xã hội của nhân dân 2 nước.

Trần Đình Hà

Hội thảo Tăng cường quản lý an toàn lao động trong xây dựng

Ngày 14/4/2016 tại thành phố Lào Cai, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội thảo “Quản lý an toàn lao động trong xây dựng”. Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng Phạm Minh Hà đến dự, chủ trì và phát biểu tại Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có gần 300 đại biểu đến từ các cơ quan quản lý về An toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) thuộc các Bộ: Lao động thương binh và xã hội, Công thương, Giao thông vận tải; Công đoàn Xây dựng Việt Nam, các Sở Xây dựng, Sở Công thương các tỉnh; các trường nghiên cứu, đào tạo về ATVSLĐ; các Trung tâm kiểm định về chất lượng công trình xây dựng; các đơn vị, doanh nghiệp tham gia xây dựng trên toàn quốc và các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài tham gia xây dựng tại Việt Nam.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Phạm Minh Hà - Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng nhấn mạnh, Hội thảo Quản lý an toàn lao động trong xây dựng là cơ hội để chúng ta cân nhắc những mặt làm được và chưa làm được đối với công tác ATVSLĐ trong xây dựng. Đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, vấn đề đảm bảo ATVSLĐ ngày càng được coi trọng, người lao động phải được bảo đảm các quyền, lợi ích và điều kiện cơ bản được quy định trong các công ước quốc tế mà Việt Nam đã và sẽ tham gia với tư cách là thành viên. Tại Hội thảo, các đại

biểu tham dự đã nghe các tham luận đề cập nhiều nội dung quan trọng nhằm tăng cường công tác quản lý về ATVSLĐ trong xây dựng, như: Đánh giá về công tác ATVSLĐ trong xây dựng, những hoạt động xây dựng có nguy cơ cao xảy ra sự cố nghiêm trọng; công tác quản lý về ATVSLĐ trong xây dựng của Bộ Công thương; tình hình tổ chức thực hiện công tác ATVSLĐ tại các Tổng Công ty trực thuộc Bộ Xây dựng; công tác tổ chức thực hiện về ATVSLĐ trong các công trình, dự án có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam; Báo cáo tổng quát Dự án tăng cường năng lực trong Dự toán chi phí, Quản lý hợp đồng, Chất lượng và An toàn trong các dự án đầu tư xây dựng - JICA; thực trạng công tác tập huấn, huấn luyện ATVSLĐ trong ngành Xây dựng...

Hội thảo cũng đề xuất các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng: Cần rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời các văn bản quy định chi tiết về ATVSLĐ trong thi công xây dựng (VB dưới Luật Xây dựng, Luật ATVSLĐ); rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy chuẩn kỹ thuật an toàn trong xây dựng; thực hiện quản lý chặt chẽ hoạt động quản lý, kiểm định, sử dụng các máy, vật tư, thiết bị và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ sử dụng trong thi công xây dựng; tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý ATVSLĐ trong hoạt động



Cục trưởng Phạm Minh Hà phát biểu tại Hội thảo xây dựng đối với các chủ thể tham gia xây dựng tại các công trình, dự án có quy mô lớn, các công trình, dự án đang thi công xây dựng có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng, đặc biệt tại các địa phương xảy ra nhiều sự cố, tai nạn lao động.

Các cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh cần kịp thời đề xuất, ban hành văn bản hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về ATVSLĐ trong xây dựng tại địa phương; đề nghị UBND các tỉnh xây dựng, ban hành quy chế phối hợp công tác kiểm tra, thanh tra về ATVSLĐ trong thi công xây dựng giữa Sở Xây dựng với các cơ quan liên quan của địa phương; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và kiên quyết xử lý vi phạm về ATVSLĐ trong thi công xây dựng; đề nghị UBND tỉnh quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý ATLĐ trong thi công xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng, giao cho Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hướng dẫn, kiểm tra công tác ATLĐ trong thi công xây dựng tại địa phương; bổ sung biên chế hoặc có điều chỉnh phân công phù hợp để Sở Xây dựng có cán bộ thực hiện chức năng quản lý công tác ATLĐ theo quy định pháp luật về xây dựng.

Bên cạnh đó, Hội thảo cũng đề xuất các chủ đầu tư, ban quản lý dự án phải tuân thủ các quy trình về thiết kế, thẩm tra thiết kế, thẩm tra biện pháp thi công theo quy định; đánh giá nghiêm túc về điều kiện năng lực của các chủ thể tham gia thi công xây dựng công trình, dự án; tăng



Toàn cảnh Hội thảo

cường công tác kiểm tra, giám sát công tác ATVSLĐ tại các công trình, dự án đang thi công theo trách nhiệm đã quy định; đối với các nhà thầu tham gia thi công xây dựng; chú trọng việc lập biện pháp đảm bảo ATVSLĐ trong biện pháp thi công; tổ chức huấn luyện ATVSLĐ cho các nhóm đối tượng phải đúng và đủ, đảm bảo chất lượng theo quy định, phù hợp với yêu cầu của thực tế; thành lập đầy đủ hệ thống quản lý công tác ATVSLĐ và bố trí người làm công tác ATVSLĐ đáp ứng trình độ, chuyên môn phù hợp với quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị theo quy định; quản lý chặt chẽ việc sử dụng các máy, thiết bị, vật tư các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ. Tổ chức Công đoàn các cấp cần chú trọng tham mưu, tư vấn cho chính quyền về các nội dung, hình thức huấn luyện về ATVSLĐ cho người lao động hiệu quả, thiết thực, phù hợp với đơn vị; tăng cường công tác tuyên truyền về ATVSLĐ tác động trực tiếp đến với mọi người lao động và nhận thức của người sử dụng lao động.

Hội thảo Quản lý ATLĐ trong xây dựng đã trở thành một diễn đàn quan trọng để các cơ quan, đơn vị quản lý, tham gia hoạt động xây dựng trao đổi, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và đóng góp một phần quan trọng trong việc đề xuất các giải pháp tăng cường về công tác quản lý ATLĐ trong xây dựng hiện nay.

Trần Đình Hà

Mô hình nâng cao chất lượng xây dựng và cung cấp dịch vụ của các chủ thể kinh tế tại một số quốc gia

Chất lượng xây dựng (CLXD) không chỉ phụ thuộc vào hiệu quả của công tác kiểm tra mà còn bị ảnh hưởng mạnh bởi sự tương thích của hệ thống văn bản pháp quy với các điều kiện pháp lý và kinh tế cũng như hệ thống chứng nhận VLXD, sản phẩm và cấu kiện.

Thuật ngữ "quản lý an toàn và chất lượng xây dựng" được xem là một trong các hình thức kiểm tra của cơ quan nhà nước về sự bảo đảm các quy định của pháp luật góp phần vào việc bảo vệ các yêu cầu về an toàn, sức khỏe, sạch sinh thái và tiện nghi.

Một trong những hoạt động chính của hệ thống quản lý an toàn và CLXD tại các nước phương Tây là công tác hỗ trợ kỹ thuật cho dự án đầu tư. Đây chính là yếu tố giúp đạt hiệu quả cao với chi phí đầu tư thấp nhất.

Sự hỗ trợ kỹ thuật được thực hiện trong hai lĩnh vực: Lập dự án và thực hiện dự án. Đối với việc hỗ trợ kỹ thuật cho việc lập dự án, công tác thiết kế được mở rộng, bao gồm cả việc lập và phê duyệt thiết kế kiến trúc và phần kết cấu, tiến hành tính toán khả năng chịu lực của nhà và công trình, còn việc cụ thể hóa dự án sẽ do tư vấn thực hiện trong quá trình xây dựng; nhà thầu được cung cấp các giải pháp mẫu và được giải thích cần phải làm gì. Cách tiếp cận đó giúp giảm thời gian lập dự án và kết hợp chặt chẽ các công việc mang tính kỹ thuật mà tư vấn và chuyên gia của nhà thầu cùng thực hiện.

Với mục tiêu bảo đảm tính linh hoạt trong điều chỉnh và cụ thể hóa các giải pháp của dự án, cán bộ giám sát kỹ thuật công trường được giao quyền bổ sung, sửa đổi hồ sơ thiết kế - dự toán ngay tại nơi thi công với điều kiện không ảnh hưởng đến khả năng chịu lực của nhà trên cơ sở sự thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng hoặc với kỹ sư - đại diện của họ. Trong chuẩn bị hồ sơ dự thầu và tiến hành đấu thầu chỉ chuyên gia tư vấn độc lập mới được giữ vai trò

là chuyên gia giám định. Các biện pháp nêu trên giúp chủ đầu tư xây dựng đánh giá chi tiết hơn khả năng của nhà thầu trong việc bảo đảm thực hiện các yêu cầu của dự án, nâng cao trách nhiệm của người dự thầu và sự công bằng minh bạch khi đưa ra quyết định cuối cùng lựa chọn nhà thầu. Sự tham gia của các tổ chức độc lập trên giai đoạn này là yêu cầu mang tính bắt buộc.

Hỗ trợ kỹ thuật trong thực hiện dự án bao gồm việc quản lý các hợp đồng và giám sát kỹ thuật độc lập. Trong đó sự giám sát độc lập việc thi công là yếu tố quan trọng. Nhiệm vụ của công việc này bao gồm sự tiếp cận đi sâu vào công tác kiểm tra đối với tất cả các loại hình công tác thi công xây lắp, VLXD, trang thiết bị, sử dụng các nguồn lực tài chính theo đúng mục tiêu phù hợp với dự án. Đây là một trong những đòn bẩy hiệu quả nhất ảnh hưởng đến chất lượng công việc, vật liệu được sử dụng, nhà và công trình được xây dựng.

Giám sát kỹ thuật độc lập được thực hiện trên cơ sở ký hợp đồng với chủ đầu tư xây dựng, bảo đảm sự kiểm tra thường xuyên, đầy đủ và khách quan và đánh giá chất lượng công việc một cách nghiêm túc theo các văn bản pháp quy, không bị phụ thuộc vào lợi ích của nhà thầu và chủ đầu tư xây dựng; công việc đó phải được thực hiện bởi các chuyên gia được đào tạo chuyên nghiệp; nguyên tắc chính của công việc là ngăn ngừa phốt phảm.

Hệ thống quản lý chất lượng (hệ thống QLCL), nếu được xây dựng một cách đúng đắn, có thể giảm chi phí xây dựng và nâng cao chất lượng của sản phẩm xây dựng. Chúng ta xem xét hệ thống QLCL trong các công ty xây dựng của Mỹ, Đức, Anh, Nhật Bản và các nước Bắc Âu.

Ở Mỹ, Bộ luật xây dựng nhà (Building codes) điều chỉnh hoạt động xây dựng thông qua việc thiết lập tiêu chuẩn CLXD tối thiểu

(khuyến nghị áp dụng), tuy nhiên, nếu xuất hiện sự cố do sai phạm trong xây dựng, việc áp dụng bộ luật sẽ mang tính bắt buộc.

Trong QLCL sản phẩm, các doanh nghiệp Mỹ tích cực sử dụng các chương trình được lập bởi các tổ chức chuyên môn, chẳng hạn như chương trình QLCL "Nói không với phế phẩm" hoặc đặt hàng soạn thảo chương trình.

Việc đào tạo được thực hiện theo ba giai đoạn. Trên giai đoạn đầu tổ chức hội thảo tập huấn về các chi phí bảo đảm chất lượng, đặt ra nhiệm vụ và xác định các yếu tố tiết kiệm. Giai đoạn thứ hai đặt ra mục tiêu, truyền đạt nhiệm vụ và biện pháp giải quyết các vấn đề đến tất cả cán bộ, nhân viên, và ở giai đoạn thứ ba các cán bộ, nhân viên được tập huấn các phương pháp kiểm tra và bảo đảm chất lượng.

Công tác QLCL giữ vai trò quan trọng trong bảo đảm chất lượng của sản phẩm xây dựng. Công tác này đòi hỏi thực hiện sự kiểm tra chất lượng nguyên liệu, vật liệu và kết cấu, bảo đảm tính định kỳ của việc kiểm tra cũng như kết quả kiểm tra đồng thời đánh giá hiệu quả của hệ thống bảo đảm chất lượng và lập chương trình nâng cao chất lượng sản phẩm.

Để thúc đẩy việc đưa sản phẩm ra thị trường, các nhà sản xuất thành lập các hiệp hội và hiệp hội sẽ xác lập mức chất lượng cho từng mẫu mã sản phẩm và tiêu chuẩn hóa các đặc tính của sản phẩm. Việc đáp ứng các yêu cầu do hiệp hội đặt ra mang tính bắt buộc đối với tất cả các thành viên của hiệp hội. Các kiến nghị của hiệp hội được đưa vào các luật xây dựng và các quy định của chính phủ, do vậy nếu một nhà sản xuất sản xuất các sản phẩm dưới mức đã được khuyến nghị, sẽ bị giảm lợi nhuận, do người mua sẽ không mua và sử dụng các sản phẩm này. Điều đó thể hiện cho cơ chế hiệu quả của thị trường trong kiểm tra chất lượng.

Hệ thống hành chính kiểm tra và QLCLXD trên cấp địa phương được thực hiện thông qua cán bộ thanh tra xây dựng. Trách nhiệm của thanh tra xây dựng là kiểm tra việc tuân thủ luật

của các dự án, tiến hành các thí nghiệm kiểm tra vào thời gian sản xuất, thi công cũng như cấp giấy phép xây dựng hoặc cải tạo và cấp giấy phép cho việc đưa công trình, sản phẩm vào sử dụng. Thanh tra xây dựng giám sát tất cả các loại công việc, ngoài công tác điện. Trường hợp không tuân thủ các quy định, việc tiếp tục xây dựng chỉ có thể được thực hiện với sự cho phép của thanh tra sau khi đã hoàn thành sửa chữa các sai phạm.

Tại Mỹ, việc thi công xây dựng không thể thiếu giấy phép xây dựng. Chủ đầu tư xây dựng thường huy động các nhà kiểm tra từ bên ngoài thực hiện kiểm tra quy trình thi công. Giữ vai trò nhà kiểm tra bên ngoài là các chuyên gia độc lập hoặc công ty kỹ thuật. Công ty kỹ thuật đánh giá hoạt động của các nhà thầu và nêu ra các khuyến nghị nhằm nâng cao CLXD công trình.

Kiểm tra CLXD tại công trường được thực hiện bởi nhà thầu/ chủ đầu tư xây dựng hoặc nhà kiểm tra bên ngoài hoặc thông qua cán bộ kiểm tra huy động từ các công ty độc lập.

Tại Mỹ, CLXD cao đạt được bằng cách tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng, sử dụng vật liệu và kết cấu chất lượng cao, đào tạo cán bộ có trình độ; giám sát thực hiện bởi tất cả các thành viên tham gia quá trình xây dựng với sự hỗ trợ của chuyên gia tư vấn độc lập. Trong đó lưu ý rằng kiểm tra chất lượng thường kèm theo chi phí cao.

Tại Anh, khi ký hợp đồng xây dựng nhà và công trình, chủ đầu tư xây dựng đòi hỏi nhà thầu phải bảo đảm bằng văn bản về việc bảo đảm chất lượng các công việc thực hiện và sử dụng hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm một cách hiệu quả. Viện Tiêu chuẩn Anh đã phát triển một hệ thống đăng ký chất lượng dành cho các công ty. Mục tiêu của hệ thống này thể hiện ở chỗ không chỉ sự đánh giá và giám sát được thực hiện thường xuyên mà cả việc chứng nhận hệ thống QLCLXD xác nhận rằng công ty đã được cấp giấy chứng nhận tương ứng, bảo đảm chất lượng thực hiện các công việc.

Ngay cả khi các văn bản quy phạm pháp luật đã được cụ thể hoá có khả năng điều tiết một cách hiệu quả các hoạt động xây dựng thì các tổ chức xã hội hoạt động trên cơ sở nguyên tắc tự quản lý vẫn giữ một vai trò quan trọng trong ngành xây dựng như Hội đồng Quốc gia xây dựng nhà ở.

Nhiệm vụ của Hội đồng là xây dựng tiêu chuẩn và quy định phát triển quỹ nhà ở, thực hiện các công việc nhằm loại bỏ các khiếm khuyết đã được phát hiện. Vào thời điểm nêu trên, quy trình đó được áp dụng cho khoảng 85% số lượng nhà mới được xây dựng trong khu vực tư nhân ở Anh. Để được trở thành thành viên tham gia các mối quan hệ tương hỗ của các tổ chức nêu trên, mỗi công ty xây dựng cần trải qua kiểm tra chất lượng đối với các công tác xây dựng đã thực hiện và kiểm tra bằng hình thức kiểm toán hoạt động tài chính của công ty. Công ty xây dựng, sau khi gia nhập hệ thống đó, có trách nhiệm tuân thủ các tiêu chuẩn đã được ban hành và tiến hành kiểm tra thường xuyên trong quá trình thực hiện tất cả các công tác xây dựng.

Nền tảng pháp lý của hệ thống bảo đảm chất lượng là bộ tiêu chuẩn ISO 9000, tài liệu triển khai thực hiện chính là kế hoạch các biện pháp bảo đảm chất lượng, được lập cho toàn bộ thời gian xây dựng.

Chúng nhận là việc cấp giấy chứng nhận đối với hệ thống QLCL đang được sử dụng tại công ty. Để được cấp giấy chứng nhận tất cả các công ty của Đức đều phải trải qua thủ tục chứng nhận hệ thống chất lượng của các công ty đó. Hệ thống kiểm tra chất lượng bảo đảm thực hiện liên tục việc kiểm tra trên các công đoạn xây dựng tại công trường, trong cơ sở sản xuất và tại các cơ sở cung ứng. Thủ phụ và nhà cung cấp VLXD và trang thiết bị cần phải tuân thủ các nguyên tắc thống nhất. Cán bộ QLCL trực thuộc sự chỉ đạo của cán bộ quản lý xây dựng và bảo đảm hoạt động của hệ thống chất lượng, thực hiện các chức năng sau:

- Kiểm tra chất lượng công việc thực hiện;
- Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo đảm chất lượng công trình;
- Soạn thảo tài liệu liên quan đến các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng thi công xây dựng;
- Giám sát công việc tập huấn nhân viên của công ty xây lắp.

Nhà thầu sẽ chỉ thực hiện những công việc đã được lập kế hoạch kiểm tra chất lượng mà được chủ đầu tư xây dựng phê duyệt. Mỗi công trình đang xây dựng được bổ nhiệm 01 cán bộ kiểm tra CLXD trực thuộc sự quản lý của cán bộ QLCL và thực hiện các chỉ dẫn của cán bộ QLCL.

Nhà thầu hỗ trợ phòng thí nghiệm xây dựng hoạt động trong giai đoạn xây dựng trên cơ sở danh sách một số lượng tối thiểu các thí nghiệm cần thiết thực hiện đối với tất cả vật liệu, sản phẩm, kết cấu và các công tác xây lắp được thực hiện.

Tại Đức, Bộ văn bản quy định về phân bổ hợp đồng và công tác nhận thầu (VOB) đang được áp dụng. Bộ văn bản do Viện tiêu chuẩn hoá Đức (DIN) soạn thảo và ban hành. Tài liệu gồm có ba phần: "Các quy tắc của công tác đánh giá sơ bộ trình độ chuyên môn", "Quy tắc đấu thầu" và "Danh mục các quy định kỹ thuật" bắt buộc thực hiện và phải được đưa vào hợp đồng.

Quy định này yêu cầu mỗi doanh nghiệp hoặc tổ chức đang chuẩn bị trở thành thành viên thị trường và tham gia đấu thầu, cần phải trải qua đánh giá sơ bộ trình độ chuyên môn được tổ chức 3 năm một lần. Yêu cầu này áp dụng như nhau cho các doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ. Ở Đức Hội Trình độ chuyên môn và đánh giá (PQB) thành lập 5 trung tâm thực hiện việc đánh giá sơ bộ trình độ chuyên môn đối với các công ty xây dựng.

Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở các chỉ tiêu quan trọng thể hiện năng lực kỹ thuật, sự minh bạch về pháp lý và độ tin cậy, sự ổn định kinh tế và tài chính. Trong quá trình đánh

giá tổ chức thông qua các chỉ tiêu trên, Trung tâm lập dự báo về sự ổn định tài chính của công ty trong vòng 3 năm tới.

Tại Nhật Bản, hệ thống và trình tự thẩm định nhà nước các dự án và công tác giám sát CLXD được thực hiện tương tự như ở Mỹ và Đức. Sự nâng cao yêu cầu về CLXD và sự siết chặt các yêu cầu đối với các dự án xây dựng cơ bản bắt nguồn từ nguy cơ động đất trong cả nước. Đó là lý do tại sao chính quyền của các đô thị lớn thành lập cơ quan đặc biệt giám sát các hoạt động xây dựng và tiến hành kiểm tra các dự án tại các khu vực lãnh thổ trực thuộc sự quản lý của các Bộ và ở vùng ngoại vi đô thị.

Nhật Bản đạt được trình độ đào tạo kỹ sư xây dựng ở mức cao hơn so với các nước khác, do việc trang bị kiến thức lý thuyết diễn ra song song với việc hoàn thiện kỹ năng thực hành trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa các doanh nghiệp xây dựng với các trường đại học là nhà cung cấp chính chuyên gia cho ngành công nghiệp xây dựng.

Số lượng các chuyên gia làm việc trên các công trường xây dựng ở Nhật Bản cao hơn một chút so với Mỹ do việc hoàn thiện các giải pháp thiết kế và bản vẽ kỹ thuật cho tương ứng với nhiệm vụ của dự án xây dựng được thực hiện trực tiếp bởi đại diện của các công ty thiết kế ngay trên công trường.

Hệ thống kiểm tra chất lượng ở Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch được xem như là một phần tích hợp của hệ thống QLCL tổng thể. Nhiều công ty xây dựng Phần Lan đang áp dụng hệ thống QLCL. Hồ sơ hợp đồng do các công ty Thụy Điển lập thể hiện tất cả các yêu cầu về bảo đảm chất lượng. Thụy Điển đã thành lập một ủy ban đặc biệt phát triển các phương pháp sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế ISO 9000 trong xây dựng.

Tại Đan Mạch, luật về khuyết tật xây dựng điều chỉnh các vấn đề về chất lượng xây dựng, vì vậy luật là cơ sở pháp lý bảo vệ chủ đầu tư xây dựng trước các khuyết tật xây dựng có thể

nảy sinh trong tất cả các dự án được tài trợ bởi chính phủ.

Na Uy đã ban hành 3 văn bản hướng dẫn trong đó nêu ra sự hợp lý của việc thành lập ngân hàng dữ liệu về trình tự, phương pháp và quy định kiểm tra chất lượng mà công ty xây dựng nào cũng có thể áp dụng. Các văn bản cũng nhấn mạnh sự cần thiết của công việc tự phát triển hệ thống QLCL trong nội bộ mỗi công ty xây dựng.

Tại Thổ Nhĩ Kỳ, hệ thống chứng nhận sự phù hợp với tiêu chuẩn ISO hoạt động hiệu quả. Hệ thống kiểm tra, sát hạch được triển khai thực hiện. Sau khi công trình được bàn giao, thị trưởng thành lập một ủy ban chuyên trách tiến hành kiểm tra công trình về sự phù hợp với tiêu chuẩn ISO quốc tế. Nếu một số chỉ tiêu không phù hợp thì công trình sẽ không được cấp phép đưa vào sử dụng. Điều khác biệt là giấy chứng nhận không cấp cho công ty mà cấp cho công trình do công ty đó xây dựng, do đó hoàn toàn loại bỏ được tình trạng CLXD thấp.

VLXD và kết cấu bảo đảm chất lượng có ý nghĩa quan trọng chiến lược trên thị trường sản phẩm xây dựng, điều đó đòi hỏi xem xét lại và siết chặt các yêu cầu về chất lượng thi công xây dựng và sản phẩm xây dựng, và để đạt được điều đó cần tạo điều kiện cho sự phát triển của công tác QLCL như một nền tảng cơ bản cho việc quản lý và phát triển các nguyên tắc quốc gia của công tác QLCL trong xây dựng. Rõ ràng là sự tham khảo hợp lý kinh nghiệm nước ngoài trong việc giữ gìn và nâng cao chất lượng công trình và dịch vụ xây dựng, trong điều kiện giữ gìn cẩn thận những truyền thống xây dựng tốt nhất của đất nước, sẽ giúp nâng cao chất lượng của sản phẩm xây dựng, giảm chi phí, giảm thời gian thi công và giảm giá thành sản phẩm.

Romanova A.I và Dobroserdova E.A
*Nguồn: Bản tin Trường đại học Kiến trúc -
Xây dựng Kazan (tiếng Nga), số 2/2015*
ND: Huỳnh Phước

Giá trị các công trình theo tiêu chuẩn LEED

Xây dựng xanh (XDX) đang trở thành một xu hướng ngày càng phát triển trên thế giới, và lĩnh vực này cũng đang tìm cho mình những thị trường mới - trong đó có Nga. Các nhà đầu tư Nga đang nỗ lực để có thể đánh giá những giá trị vượt trội của các công trình xanh. Ưu điểm sử dụng các công trình xanh ngày nay không cần phải bàn nữa, song chi phí cho XDX tới nay vẫn còn là một bài toán khó. Điều này thể hiện qua mức giá cho thuê các căn hộ hoặc văn phòng trong các công trình xanh còn rất cao. Trước đây, đa số các nhà đầu tư tính toán rằng quá trình thiết kế và xây dựng công trình xanh sẽ làm tăng chi phí xây dựng ít nhất 5 - 10%. Song luận cứ thuyết phục cho con số này chưa có nhà kinh tế xây dựng nào đưa ra được. Một mức giá chung liệu có áp dụng được cho mọi công trình xanh? Lý do gì để công trình được gọi là “xanh”, và điều này liệu có luôn gắn với việc giá thành công trình tăng cao? Vì sao cần áp dụng những công nghệ độc đáo (đôi khi đến mức khó tin) và rất đắt tiền? Để giúp các độc giả có một cái nhìn sâu hơn về XDX, và tự tìm hiểu câu trả lời cho những vấn đề nêu trên, tác giả sẽ bàn về hai khía cạnh của một vấn đề - chi phí cho XDX; và các công nghệ thường áp dụng cho một công trình xanh.

Chi phí cho XDX - Các yếu tố xác định chi phí XDX

Giá thành các dự án “xanh” có thể chênh lệch, và rất khó để đưa ra những dự báo mà không có báo cáo tiền đánh giá. Điều quan trọng nhà đầu tư cần nắm rõ là công trình xanh không nhất thiết phải kèm theo các giải pháp công nghệ mang tính cách tân và đắt tiền như lắp đặt các panel quang ảnh, phủ xanh mái nhà và nhiều công nghệ tiên tiến khác. Các tiêu chuẩn quốc tế về XDX (LEED và BREEAM) chính là thước đo sinh thái các công trình khi hướng sự chú ý tới một số khía cạnh (bao gồm cả những vấn đề không liên quan tới thiết kế tòa nhà/ công trình, hoặc với các giải pháp công

nghệ được lựa chọn để thực hiện dự án đó). Chẳng hạn: BREEAM (hoặc LEED) đánh giá tính sinh thái của dự án dựa trên một số tiêu chí như sau:

- Sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả;
 - Lượng phát thải CO₂;
 - Hiệu quả sử dụng nước;
 - Chất lượng không gian bên trong, môi trường tiện nghi cho sinh hoạt của con người;
 - Công tác xây dựng;
 - Sử dụng vật liệu và nguồn năng lượng;
 - Hệ thống giao thông đảm bảo thuận tiện cho những người tham gia;
 - Các đặc điểm của diện tích đất xây dựng.
- Sự thay đổi của các tiêu chí này đôi khi tác động và có ảnh hưởng lớn tới nhau.

Theo BREEAM (hoặc LEED), các yếu tố trực tiếp quy định chi phí XDX gồm có:

Loại công trình xây dựng và các đặc điểm của phần diện tích xây dựng (trước khi tính toán tính sinh thái của dự án).

Loại công trình tùy thuộc vào công năng của công trình cũng như các đặc điểm riêng của công trình đó (chẳng hạn: có các gian, phòng chức năng đặc biệt hoặc kiến trúc phụ). Giá thành công tác thiết kế cũng như các chi phí cơ bản trong thi công xây dựng có thể rất khác biệt giữa các công trình khác nhau.

Cụ thể, khi xây một công trình có chức năng chuyên biệt như phòng thí nghiệm, trung tâm giải trí, nhà thi đấu thể thao... thì chắc chắn chi phí cho công tác thiết kế và chi phí cơ bản khác cho xây dựng sẽ tăng lên. Đối với công trình xanh, không chỉ chi phí thiết kế và xây dựng mà cả chi phí chứng nhận “xanh” sẽ tùy thuộc rất nhiều vào vị trí khu đất xây dựng và công trình tương lai (tại trung tâm làm việc của thành phố - nơi mật độ xây dựng dày đặc, khó tìm được một khoảng không gian tự do, hoặc ở vùng ngoại ô thành phố); bởi thiết kế một công trình luôn cần tính tới cảnh quan xung quanh.



Eco 1 : Mái nhà xanh

Yêu cầu của chủ đầu tư và chất lượng dự án đang thực hiện

Nếu chủ đầu tư đưa ra những yêu cầu “tối thượng” đòi hỏi chi phí cao (ví dụ: xây dựng một trung tâm thông tin), thì khi đó việc thực hiện các yêu cầu chứng nhận sẽ cần nghiêm ngặt hơn; bởi các giải pháp quy hoạch riêng về mặt sinh thái luôn tuân theo hệ thống các chức năng đặc biệt của công trình. Mặt khác, nếu tòa nhà/ công trình (công sở, công trình thương mại hay nhà ở) được thiết kế theo tiêu chuẩn với các giải pháp thiết kế hiện đại (các mặt tiền chất lượng cao, hệ thống thông gió thông khí, hệ thống chiếu sáng...) thì đương nhiên, các yếu tố sinh thái đã được đưa vào dự án, và được thể hiện bởi chứng nhận “xanh” cho tòa nhà/ công trình.

Thiếu sự tương tác giữa thang điểm theo các tiêu chí đánh giá khác nhau

Khi tham gia một dự án “xanh”, trong đa số trường hợp các bên liên quan chưa nhận diện được sự thiếu tương tác giữa thang điểm theo tiêu chí đánh giá và giá trị các chi phí. Công trình có thể “ghi điểm” nhờ lắp đặt thêm hệ thống sử dụng năng lượng tái tạo, dẫn tới chi phí đầu tư lớn hơn. Tuy nhiên, dự án cũng có thể đạt nhiều điểm mặc dù chi phí nhỏ hơn, do có vị trí gần các bến đỗ phương tiện giao thông công cộng, hoặc áp dụng các biện pháp cải tiến trong quản lý thi công xây dựng.

Tối ưu hóa hoặc không có chi phí dành cho việc nghiên cứu dự án



Eco 2: Vật liệu xây dựng tự nhiên từ rơm và lau sậy

Trong bất kỳ dự án nào, việc đạt hay không đạt tiêu chí tối ưu hóa chi phí cho chứng nhận “xanh” cũng sẽ có ảnh hưởng rất lớn tới tổng giá trị chứng nhận. Trong thang điểm 110 của hệ thống LEED, dự án “xanh” cần nhận được 40 điểm; 50 điểm dành cho chứng nhận “bạc”, và 60 điểm dành cho chứng nhận “vàng”. Điều này có nghĩa là có rất nhiều sự kết hợp để đánh giá trong từng bậc điểm, và việc xác định chứng nhận “xanh” với tập hợp các điểm số như vậy sẽ cho phép tối thiểu hóa chi phí.

Kích thước tòa nhà/ công trình

Tăng kích thước công trình có thể sẽ đạt tiêu chí hiệu quả về quy mô, và tiết kiệm chi phí cho thiết kế và XDX. Kết quả là tổng giá trị chứng nhận “xanh” theo tỷ lệ phần trăm sẽ giảm xuống. Tương tự như vậy, giá trị các dịch vụ tư vấn sẽ không tăng cùng với việc tăng kích thước công trình. Các chi phí hành chính liên quan tới chứng nhận cũng sẽ giảm.

Các phiên bản tiêu chuẩn XDX

Trong phiên bản tiêu chuẩn công trình xanh trước đây (LEED 2009), các yêu cầu “mềm mỏng” hơn so với phiên bản sau này (LEED 2014); tương ứng, giá trị chứng nhận đối với các nhà đầu tư cũng thấp hơn.

Rất nhiều biện pháp có thể áp dụng để qua sát hạch cùng một tiêu chí. Các tiêu chuẩn XDX dựa trên các kết quả đánh giá - song các kết quả này chỉ quy định mục tiêu mà không chỉ ra bằng cách nào để đạt được mục



Eco 4: Pin mặt trời - công nghệ tái tạo năng lượng được ứng dụng phổ biến trong xây dựng xanh hiện nay

tiêu đó trong quá trình thực hiện dự án. Chẳng hạn tiêu chí sát hạch của LEED liên quan tới lưu lượng nước mưa yêu cầu tăng việc thấm lọc nước mưa trên phần diện tích xây dựng. Biện pháp để thực hiện yêu cầu này sẽ được chủ đầu tư và các nhà tư vấn lựa chọn. Một trong những giải pháp hữu hiệu nhằm đẩy mạnh thấm lọc nước mưa là ứng dụng mái nhà xanh, và việc này sẽ làm tăng vốn đầu tư. Cũng có thể đạt mức độ thấm lọc theo yêu cầu bằng cách áp dụng các vỉa (máng) xối...; trường hợp này cần tính toán cảnh quan nhân tạo cho công trình.

Vị trí và hạ tầng cơ sở có thể làm tăng hoặc giảm giá trị chứng nhận “xanh”

Vị trí công trình, sự gần cận các bến đỗ phương tiện giao thông công cộng và các nhà sản xuất vật liệu xây dựng, cũng như việc xây dựng được tiến hành trên các khu đất xây dựng trước đây đều là những yếu tố có thể ảnh hưởng tới số điểm. Trong nhiều trường hợp, có khả năng cần áp dụng các giải pháp thiết kế và kỹ thuật đất tiền.

Ngành Xây dựng Nga hiện nay còn quá ít các số liệu về chi phí phụ trội đối với một công trình “xanh”; trong khi ở Mỹ và nhiều quốc gia châu Âu, vấn đề này đã được tích cực nghiên cứu. Năm 2004, Davis Lengdon đã xem xét giá trị của 60 khối nhà thuộc các trường học trong bang California (Mỹ) - trong đó có 43 khối nhà không có chứng nhận LEED, và 17 khối có



Green building: Công trình tổ hợp Life Sciences Building (Portland, Oregon, Mỹ)

chứng nhận LEED. Kết quả chỉ ra sự chênh lệch giá trị giữa hai nhóm này không đáng kể. Công trình được chứng nhận theo LEED có giá bình quân 3820 USD/m². Còn các công trình không tính tới yêu cầu của hệ thống LEED có giá 3660 USD/m² - mức chênh lệch không lớn. Trong quá trình nghiên cứu ông cũng chỉ ra nhiều công trình phù hợp với các yêu cầu LEED trên thực tế có giá thành thấp hơn hẳn so với các công trình khác.

Trong một nghiên cứu khác của Cơ quan Quản lý dịch vụ chung của Mỹ (General Services Administration - GSA) được tiến hành từ năm 2009, giá trị chứng nhận LEED đối với các khối nhà tòa án được xây trên toàn Liên bang đã được xem xét và phân tích cụ thể. Các nhà nghiên cứu đã tính được rằng giá tăng trong ngưỡng từ 0,3% (chứng nhận LEED thông thường) tới 8,1% (chứng nhận LEED “vàng”) trong tổng dự toán của mỗi dự án. Các phân tích này cũng cho thấy: giá trị dự án tăng bình quân xấp xỉ 3% đối với các dự án nhận được chứng nhận “bạc”. Làm thế nào để có thể được cấp chứng nhận LEED? Cần những khoản đầu tư như thế nào để đạt các điểm số trong thang điểm của LEED? Việc đánh giá một dự án sẽ kết thúc thành công nếu dự án đó phù hợp với phiên bản LEED 2009.

Giá trị phụ trội của chứng nhận “xanh” và giá thi công xây dựng công trình chiếm khoảng

1,15% tổng ngân sách của dự án. Tuy nhiên, con số này chưa phải là giá trị thực của chứng nhận “xanh”; đây là khoản vốn chủ đầu tư cần bổ sung để dự án được chứng nhận phù hợp với các yêu cầu trong hệ thống LEED, và phụ phí đối với các yếu tố liên quan tới tính sinh thái đã hiện diện trong dự án. Một số yếu tố đáp ứng các yêu cầu của LEED hay BREEAM đã được đưa vào hồ sơ thiết kế, tuy nhiên các nhà xây dựng có thể không nắm được việc này. Để giảm giá thành thiết kế và xây dựng theo LEED, nhà xây dựng có thể lựa chọn các biện pháp khác nhau. Ở đây, sự hợp tác của các nhà tư vấn chuyên nghiệp rất hữu ích. Giá trị chứng nhận giảm nhờ việc thu hút các nhà đầu tư và các doanh nghiệp xây dựng tham gia dự án ngay từ giai đoạn tiền thiết kế. Ví dụ: Đơn vị vận hành khai thác cần giảm giá khoảng 20% đối với giá các bãi đỗ dành cho xe hơi tiết kiệm nhiên liệu.

Tương tự, một số yêu cầu về tiêu chí sát hạch được đưa vào phần quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của nhà thầu. Giá thành việc sát hạch nhà thầu có thể rất thấp (thậm chí miễn phí) nếu nhà thầu có uy tín. Mặc dù những điểm số này là chi phí gián tiếp đối với nhà đầu tư, đây cũng là biện pháp giảm giá trị chứng nhận “xanh”. Để bù đắp cho nhà thầu không phải trong mọi trường hợp đều cần ứng dụng các giải pháp kỹ thuật đắt tiền. Các phân tích của GSA cho thấy: Một dự án “xanh” hoàn hảo luôn cần những luận chứng vững chắc cho các công nghệ và vật liệu được áp dụng. Nếu chi phí phụ trội không tương xứng với những ưu điểm “thêm”, cần loại trừ ngay những yếu tố đó khi bắt đầu khởi động dự án.

Các panel quang điện có thể giúp nâng điểm số, nhưng trong trường hợp có công trình kề cận cao hơn thì công trình thiết kế sẽ bị giảm độ phơi sáng; việc hấp thụ ánh nắng mặt trời của các panel quang điện bị cản trở, giảm lượng và chất lượng điện năng tái tạo. Nếu nhà thầu xuất phát từ “quy tắc gần đúng” và đề xuất giá trị phụ trội cho thiết kế và XDX theo các yêu

cầu của LEED thì hầu như giá trị đó sẽ vượt mức và nhà thầu đó khó tìm được cơ hội tham gia. Tuy nhiên, đó là về mặt lý thuyết. Thực tế thì việc phân tích thận trọng sẽ không cho phép một sự đánh giá vượt mức, và các nhà tư vấn xây dựng “xanh” luôn tìm được những giải pháp tối ưu hóa cần thiết cho từng dự án cụ thể.

Một số công nghệ áp dụng trong xây dựng các công trình xanh tại Mỹ và châu Âu

Bên cạnh những công nghệ truyền thống, sử dụng nguyên vật liệu tự nhiên để chế tạo vật liệu cách nhiệt, vật liệu xây, còn có những công nghệ “lạ”, đòi hỏi chi phí đầu tư không nhỏ. Chi phí này chỉ được bù hoàn trong giai đoạn vận hành khai thác công trình về sau:

Sử dụng vật liệu phân hủy sinh học : Nói tới XDX, xây dựng bền vững, điều đầu tiên cần nhắc tới là xử lý và tái sử dụng tất cả các vật liệu xây dựng. Các vật liệu phân hủy sinh học tự nhiên sẽ giúp tránh được việc xây dựng các bãi chứa khổng lồ và hệ quả tất yếu từ việc đất bị ô nhiễm bởi các hóa chất thải độc hại.

Đất nện: Sử dụng đất nện làm vật liệu xây dựng là một trong những công nghệ lâu đời nhất. Hỗn hợp đất ẩm và các phân tử cứng có trong đất sét và sỏi kết hợp với một số yếu tố ổn định trong bê tông sẽ tạo thành một loại vật liệu rất cứng chắc. Nền đất được đầm nén kỹ là một giải pháp lý tưởng để điều hòa nhiệt độ cho ngôi nhà, bởi vì ngôi nhà đó sẽ vô cùng mát mẻ về mùa hè và ấm áp về mùa đông. Xây dựng với vật liệu đất nện đương nhiên sẽ ít thải khí độc hơn là quá trình xây dựng với các vật liệu khác. Tuy nhà bằng đất nện giờ đây rất hiếm gặp, song đâu đó vẫn tồn tại. Và cũng có những nhà thầu chuyên làm các dự án nhà / công trình từ đất nện.

Mái nhà xanh và mái nhà trắng: Sơn mái nhà màu trắng là phương pháp đơn giản nhất bức xạ nhiệt và tiết kiệm chi phí trong mùa hè, song hiệu quả sẽ tăng lên rất nhiều nếu phủ xanh các mái. Các khu vườn trên mái nhà giúp cách nhiệt về mùa đông, đồng thời thấm nước

mưa vào mùa hè, qua đó giảm nguồn nước bị ô nhiễm từ các kênh nước thải của thành phố.

Năng lượng mặt trời: Với việc lắp đặt các panel pin mặt trời trên mái nhà. Tại nhiều quốc gia châu Âu (như CHLB Đức, Đan Mạch), các panel quang ảnh còn “trang trí” mặt tiền và các bên hông nhà.

Địa nhiệt: Nếu có công nghệ sử dụng thực vật để kiểm soát nước, thì cũng có cả công nghệ sử dụng đất để thu hồi nhiệt. Giống như năng lượng gió và mặt trời, địa nhiệt là nguồn năng lượng tái tạo vô cùng hữu hiệu, và chắc chắn tính sinh thái trong khai thác sử dụng cao hơn so với nhiệt lượng từ than đá và khí đốt.

Nhiều người thường cho rằng trong thời tiết lạnh thì việc tận dụng địa nhiệt sưởi ấm sẽ không hiệu quả; song các nhà khoa học đã chứng minh điều ngược lại. Các đường ống được chôn sâu vài mét trong lòng đất luôn tránh được hệ quả từ việc tăng giảm nhiệt độ của không khí ngoài trời. Đất luôn có nền nhiệt ổn định +15°C, do đó đảm bảo nguồn năng lượng ấm vào mùa đông, và nguồn nhiệt mát mẻ vào mùa hè.

Nước/ hợp chất chống đông chảy theo các ống dẫn dưới lòng đất để tập hợp nhiệt năng, sau đó chảy vào các bơm nhiệt và được sử dụng để sưởi ấm hoặc làm dịu mát các ngôi nhà phía trên mặt đất.

Cửa sổ thông minh: Cửa sổ thông minh, kính thông minh hay kính có các đặc tính có thể biến đổi - mấu chốt của công nghệ này chính là chất liệu electrochromic (điện sắc), và dự trữ các ion trong lớp cửa sổ để thay đổi lượng ánh sáng cần bức xạ. Các cửa sổ này thường được lắp đặt cho các cao ốc chọc trời, và hệ thống điều hướng cho phép điều chỉnh lượng ánh sáng cần thiết vào bên trong. Ở Mỹ, xấp xỉ 1/4 tổng lượng điện năng được sử dụng vào việc chiếu sáng,

sưởi ấm và làm mát cho các tòa nhà. Và khi sử dụng loại cửa sổ thông minh với các lớp phủ có thể giúp tác động đến tính hiệu quả trong việc sử dụng năng lượng của các tòa nhà.

Hiện nay, các nhà sản xuất kính thông minh trên thế giới đều đang nỗ lực hạ giá thành sản phẩm, và đưa sản phẩm tiếp cận từng bước với người tiêu dùng bình dân. Có thể tận dụng thêm bóng râm tự nhiên - như trồng nho hoặc một số loại cây, thực vật khác thì hiệu ứng lọc nhiệt và ánh sáng sẽ tăng lên rất nhiều.

Hệ số tiêu thụ năng lượng bằng 0: Tòa nhà/ công trình có hệ số tiêu thụ năng lượng bằng 0 là những tòa nhà/ công trình được xây dựng có thể vận hành tốt mà không bị lệ thuộc vào mạng điện thông thường. Nói một cách khác, những công trình dạng này luôn bảo đảm năng lượng riêng cho mình thông qua nguồn năng lượng tái tạo. “Không” ở đây biểu đạt không chỉ nhu cầu tiêu thụ năng lượng, mà còn cả lượng khí nhà kính phát thải.

Ngôi nhà có nhu cầu tiêu thụ năng lượng bằng 0 (còn gọi là nhà thụ động) được xây dựng có ứng dụng tổ hợp các công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả (thiết bị thu gió, thu ánh sáng mặt trời; máy phát điện bằng sức gió; có trường hợp kết hợp với nguồn nhiên liệu sinh học), và các vật liệu cách nhiệt hiện đại. Tất nhiên, những công trình này không hề rẻ, việc xây dựng cũng không đơn giản. Điều quan trọng mà các nhà thiết kế “xanh, các nhà xây dựng “xanh” cần ghi nhớ là công nghệ hiện đại luôn phải gắn kết với các vật liệu xây dựng tự nhiên, nhằm giảm tối đa tải trọng của các công trình lên môi trường sinh thái.

Kagan Djeylan

Nguồn: Tạp chí Unido Russia tháng 8/2015

ND: Lê Minh

Trung Quốc: Tỉnh Hắc Long Giang thúc đẩy phát triển xây dựng xanh

Tỉnh Hắc Long Giang, Trung Quốc - một trong những tỉnh thuộc nhóm nghiên cứu thí điểm về phát triển xây dựng xanh (XDX), đã tiến hành điều tra, khảo sát hiện trạng và những yếu tố hạn chế quá trình phát triển XDX và đưa ra những giải pháp thúc đẩy phát triển XDX trên địa bàn tỉnh.

1. Khái quát hiện trạng phát triển XDX của tỉnh Hắc Long Giang

Năm 2014, tỉnh Hắc Long Giang đã xây dựng mới được 40.590.000m² công trình tiết kiệm năng lượng, hoàn thành cải tạo tiết kiệm năng lượng cho những công trình kiến trúc hiện hữu đạt là 21.610.000m², thực hiện tiết kiệm được 1.390.000 tấn than, giảm phát thải lượng CO₂ là 3.420.000 tấn, các công trình nhà ở xây dựng mới chấp hành theo tiêu chuẩn thiết kế tiết kiệm năng lượng đạt tới 65%, công trình công cộng xây dựng mới chấp hành theo tiêu chuẩn thiết kế tiết kiệm năng lượng đạt 50%, nhà ở nông thôn xây dựng mới về cơ bản đạt tiêu chuẩn thiết kế tiết kiệm năng lượng là 50%, tỷ lệ chấp hành tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng xây dựng trên toàn tỉnh ở giai đoạn thiết kế đạt tới 100%, giai đoạn thi công đạt trên 98,5%. Năm 2014, với 3.000.000m² kiến trúc xanh xây dựng mới theo kế hoạch của toàn tỉnh đã hoàn thành được 45 dự án công trình, trong đó đã có 12 dự án với 1.820.000m² được gắn biển thiết kế kiến trúc xanh của quốc gia.

2. Các yếu tố hạn chế phát triển XDX

Một là cần hoàn thiện các chính sách khuyến khích và các quy định pháp luật có liên quan. Hiện nay, những chính sách khuyến khích phát triển XDX chưa đầy đủ và đồng bộ, các quy phạm pháp luật và các chính sách liên quan còn nhiều thiếu sót. Hiện nay tỉnh Hắc Long Giang vẫn chưa ban hành được những quy định pháp luật mang tính địa phương trong việc thúc đẩy phát triển XDX, còn thiếu những

chính sách khuyến khích có hiệu quả và hệ thống đánh giá XDX mang tính tổng hợp. Tháng 12/2013 tỉnh đã ban hành “Thông báo về kế hoạch hành động XDX của tỉnh Hắc Long Giang”, đồng thời đưa ra hướng dẫn kỹ thuật và tiêu chuẩn XDX, nhưng khả năng thúc đẩy phát triển XDX vẫn còn yếu kém.

Hai là gặp khó khăn lớn trong việc cải tạo tiết kiệm năng lượng những công trình kiến trúc hiện có. Tỉnh Hắc Long Giang thuộc khu vực giá rét nên lượng năng lượng tiêu hao sẽ cao hơn so với các tỉnh khác trên toàn quốc từ 8 đến 12%, trong khi bình quân năng lượng tiêu hao cho xây dựng trên toàn quốc là 29%, thì ở Hắc Long Giang khoảng 37%. Đối với việc cải tạo tiết kiệm năng lượng những công trình kiến trúc hiện có, yếu tố nhiệt độ môi trường ở các địa phương là mấu chốt của kỹ thuật cải tạo tiết kiệm năng lượng, không chỉ bao gồm tường ngoài, cửa sổ, mái nhà, ban công và những cấu kiện truyền nhiệt khác..., còn bao gồm các ứng dụng năng lượng có liên quan khác như điều hòa, chiếu sáng, hệ thống sưởi ấm và các hệ thống quản lý vận hành khác... Theo đánh giá, chi phí cải tạo tiết kiệm năng lượng những công trình hiện hữu ở Thành phố Cáp Nhĩ Tân vào khoảng từ 69,3 đến 84,7 USD/m². Số lượng công trình nhiều, kết cấu công trình, hình thức sở hữu và tiêu chuẩn cải tạo phức tạp, cải tạo tiết kiệm năng lượng cần chi phí lớn, thêm vào đó là mức độ phát triển kinh tế và thu nhập tài chính của tỉnh tương đối thấp so với toàn quốc, do vậy càng gặp khó khăn lớn cho công tác cải tạo tiết kiệm năng lượng của tỉnh Hắc Long Giang.

Ba là trình độ nhận thức về XDX không cao. Nhận thức về ý nghĩa và mục đích của các cơ quan chính quyền về xây dựng, đất đai, quy hoạch, bảo vệ môi trường, khu lâm viên, nhà ở... đối với phát triển XDX không thống nhất, dẫn tới trách nhiệm của các cơ quan khác nhau

không rõ ràng, xuất hiện tình trạng trốn tránh trách nhiệm, đến kỳ hạn công việc không đạt được mục tiêu, về sau khó có thể bổ sung vào được. Cụ thể bao gồm các đơn vị nguyên vật liệu xây dựng, đơn vị khai thác, thiết kế, thi công, giám sát quản lý, kiến trúc; trong khi đó người tiêu dùng có ý thức về XDX là tương đối ít, thiếu tính chủ động và tính tích cực trong việc sáng tạo và sử dụng XDX.

Bốn là trình độ kỹ thuật còn thấp. Về mặt kỹ thuật XDX, tỉnh đã thúc đẩy mở rộng ứng dụng hệ thống mô hình EPS ở Cáp Nhĩ Tân, nhưng vẫn còn thiếu các mặt về kỹ thuật XDX: đồng bộ, kinh tế, thích ứng, thuận tiện và thi công nhanh chóng.... Đặc biệt là nguồn tài nguyên xã hội và những chuyên gia có liên quan cũng đều ở tình trạng thiếu nghiêm trọng. Điều kiện khí hậu giá rét cần yêu cầu cao, chi phí cũng tương đối cao, trình độ khoa học kỹ thuật tổng hợp lạc hậu, năng lực nghiên cứu phát triển kỹ thuật có hạn, nhân tài chuyên nghiệp còn thiếu, chính sách khuyến khích không đủ vẫn là những yếu tố cơ bản hạn chế phát triển kỹ thuật XDX của tỉnh Hắc Long Giang.

Năm là còn thiếu hệ thống giám sát quản lý XDX. Hiện nay tỉnh Hắc Long Giang vẫn thiếu hệ thống thực thi quản lý một cách hệ thống. Căn cứ vào điều tra nghiên cứu cho thấy, mức tiêu hao năng lượng máy điều hòa không khí trung tâm của những điểm công cộng và công trình công cộng loại hình lớn của tỉnh Hắc Long Giang nhiều hơn gấp 3 tới 4 lần so với lượng năng lượng tiêu hao cho công trình phổ thông, nhưng hiện nay vẫn không theo dõi được toàn quá trình tiêu hao năng lượng trong quá trình sử dụng ở những điểm công cộng và những công trình kiến trúc công cộng loại hình lớn, không thể tiến hành quan sát và kiểm soát được lượng tiêu hao năng lượng của những công trình đó để có thể đưa ra giá trị chỉ tiêu kiểm soát về năng lượng tiêu hao, do đó không thể kịp thời giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề tiêu hao năng lượng của những công trình loại hình đó, ở một ý

nghĩa nhất định đã ảnh hưởng tới quá trình phát triển XDX của tỉnh Hắc Long Giang.

3. Biện pháp phát triển XDX

- Hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật và chính sách về XDX. Cần nhanh chóng hoàn thiện và chi tiết hóa đối với những quy định có liên quan tới tiết kiệm năng lượng trong xây dựng, đồng thời đồng bộ những quy phạm tiêu chuẩn và văn bản có liên quan. Đối với 4 khâu của quá trình bảo vệ môi trường cần được đưa ra một cách chi tiết tỉ mỉ cụ thể hơn nữa để có thể thực hiện một cách thuận lợi. Tăng cường đưa ra những điều lệ thưởng phạt để quá trình phát triển XDX có thể tuân thủ theo quy tắc pháp luật cơ bản nhất. Triển khai và mở rộng phát triển XDX cùng hệ thống đánh giá và giám sát theo 4 khâu của công tác bảo vệ môi trường, đồng thời đóng vai trò như là điểm tựa tích cực hỗ trợ cho nhu cầu tiêu dùng nguyên vật liệu XDX, thúc đẩy phát triển lành mạnh ngành công nghiệp sản xuất nguyên vật liệu xanh. Cuối cùng cần thúc đẩy một cách toàn diện chính sách khuyến khích kinh tế “lấy thưởng thay cho hỗ trợ” trong quá trình phát triển XDX.

- Đưa ra tiêu chuẩn XDX, dựa vào những dự án xây dựng có liên quan để tăng cường phát triển. Dựa vào kiến nghị của các chuyên gia, tỉnh nên tăng cường đưa ra những tiêu chuẩn XDX có liên quan, đồng thời giám sát việc thực hiện các tiêu chuẩn XDX. Có thể căn cứ vào yêu cầu phát triển đô thị, mức sống, khu vực và khí hậu của tỉnh để XDX có thể chia thành 3 cấp: cấp 1 sao, 2 sao và 3 sao... Ngoài ra tích cực nghiên cứu thảo luận dựa vào 3 cấp của XDX để đưa ra đường lối chính sách hỗ trợ hoặc cắt giảm các chi phí, khuyến khích chi tiêu sử dụng XDX để người dân cư trú có thể nhận được và nhìn thấy được những lợi ích thực tế.

- Nghiêm túc quản lý và giám sát tiết kiệm năng lượng xây dựng: Kiên quyết chấp hành các tiêu chuẩn có liên quan tới tiết kiệm năng lượng trong xây dựng, tiến hành nghiệm thu

một cách nghiêm túc; tăng cường cải tạo tiết kiệm năng lượng xây dựng đối với các công trình công cộng quy mô lớn và các công trình kiến trúc tiêu hao nhiều năng lượng hiện hữu; nhanh chóng thiết lập kênh theo dõi tiết kiệm năng lượng, tích cực triển khai công tác công khai hiệu quả sử dụng năng lượng, thống kê lượng tiêu hao năng lượng; đưa ra giá trị định mức và vượt định mức về tiêu hao năng lượng, từ đó dần dần thiết lập hệ thống giám sát quản lý tiết kiệm năng lượng; Cơ quan chủ quản cung cấp nhiệt cho thành phố cần tăng cường mức độ quản lý giám sát tình hình chấp hành chính sách cưỡng chế lượng nhiệt đối với các doanh nghiệp cung cấp nhiệt và các doanh nghiệp khai thác bất động sản; kiến nghị chính quyền tỉnh ủy quyền cho cơ quan chủ quản xây dựng tổ chức cho chuyên gia định kỳ kiểm tra kế hoạch thực hiện 4 khâu bảo vệ môi trường trong XDX và tình hình thực hiện giám sát quản lý, cải tạo và cải tiến, đồng thời lấy 4 khâu trong công tác bảo vệ môi trường đưa vào trong hệ thống đánh giá chỉ số GDP xanh.

- Mở rộng sử dụng nguyên liệu và hệ thống kết cấu tiết kiệm năng lượng xây dựng loại hình mới: Đầu tiên cần tăng cường phát triển áp dụng hệ thống nguyên vật liệu và kết cấu tiên tiến như hệ thống kết cấu mô hình EPS: Cửa sổ cách nhiệt, giữ ấm, cách âm, bảo vệ môi trường, độ kín khí cao, độ kín nước cao... tiến tới modum hóa, đồng bộ hóa, hệ thống hóa, thông dụng hóa, tiêu chuẩn hóa; tăng cường ứng dụng và chuyển hóa thành quả khoa học kỹ thuật XDX; thúc đẩy một cách toàn diện kỹ thuật thi công cơ giới hóa nhà ở.

- Tăng cường nghiên cứu phát triển kỹ thuật XDX: Chính quyền cần tăng cường khả năng đồng bộ và khả năng đầu tư vốn cho công tác cải tạo các công trình kiến trúc hiện hữu; thúc đẩy nghiên cứu kỹ thuật XDX, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật quản lý toàn quá trình: Lập dự án, quy hoạch, thiết kế, thi công, nghiệm thu, đánh giá, vận doanh... XDX, để cung cấp những

căn cứ pháp lý và cơ sở kỹ thuật cho quá trình phát triển XDX; đào tạo nhân lực về các mặt thiết kế, thi công, lắp đặt, đánh giá, quản lý... cho công tác XDX, để quá trình phát triển XDX có một nền tảng vững chắc; tích cực thúc đẩy sáng tạo kỹ thuật trong quá trình phát triển XDX, bao gồm các loại ứng dụng nguồn năng lượng tái sinh.

- Tăng cường xây dựng những cộng đồng khu vực nhỏ kiểu mẫu và giám sát quản lý chất lượng XDX: Cần thiết lập hồ sơ công tác nhận biết đánh giá XDX, tiến một bước tăng cường quản lý động thái chất lượng XDX, tăng cường quản lý quá trình thi công và quản lý giám sát chứng nhận sản phẩm xanh; chú ý tới bảo vệ môi trường, kiểm tra các chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng từ khâu thiết kế, thi công và vận hành, mở rộng phát triển tới việc tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu và tiết kiệm nước trong xây dựng, giảm phát thải khí nhà kính, cùng với việc xử lý nước thải và rác thải; tăng cường thiết lập hệ thống chỉ tiêu mang tính khống chế đối với việc xây dựng khu vực kiểu mẫu với tiêu chí cacbon thấp, chức năng hóa và xanh hóa; tích cực xây dựng những công trình mang tính kiểu mẫu.

- Hướng dẫn khái niệm tiêu dùng xanh, xây dựng xã hội xanh hài hòa: Hoạt động tuyên truyền mở rộng phát triển XDX và tiết kiệm năng lượng có hình thức triển khai đa dạng và nội dung phong phú, nâng cao nhận thức phổ biến của toàn xã hội đối với XDX, phổ biến ứng dụng XDX; tăng cường khả năng sáng tạo kỹ thuật, thiết kế tổng thể, quy hoạch tổng thể cộng đồng kiến trúc xanh.

**Từ Xuân Thái - Chu Vệ Trung -
Chương Gia Tân**

*Theo Tạp chí xây dựng Trung Quốc
số 24/2015*

ND: Khánh Ly

Thúc đẩy cải cách hệ thống quản lý quy hoạch ở Trung Quốc

Hệ thống quản lý quy hoạch là cách gọi chung cho một loạt các hoạt động trong hệ thống xây dựng cơ cấu chủ quản quản lý quy hoạch quốc gia và địa phương, phân định thẩm quyền và vận hành... quy định phạm vi các cấp cơ quan quản lý quy hoạch, quyền trách nhiệm, lợi ích và nguyên tắc tiêu chuẩn giữa các mối liên hệ với nhau; cũng là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp nhất tới hiệu quả thực hiện quy hoạch, là điều kiện cơ bản trong công tác triển khai quy hoạch đô thị.

Thúc đẩy cải cách hệ thống quản lý quy hoạch chính là nâng cao hiệu quả quy hoạch, giảm thiểu những sai sót trong quy hoạch. Tháng 11/2015, tại Hội nghị tài chính Trung ương lần thứ 11, Tổng bí thư Tập Cận Bình đã chỉ rõ: “Cần cải cách hoàn thiện quy hoạch đô thị, cải cách hệ thống quản lý đô thị”. Thông qua đó cho thấy, việc cải cách hệ thống quản lý quy hoạch có ý nghĩa và đóng vai trò quan trọng trong công tác triển khai đô thị trong tương lai.

I. Tình hình hệ thống quản lý quy hoạch hiện hành

Hơn 30 năm cải cách và mở cửa, Trung Quốc đã từ “xã hội nông thôn” bước vào “xã hội đô thị”, hệ thống quản lý quy hoạch hiện hành đã phát huy được vai trò tích cực. Nhưng đến nay, khi phải đối mặt với chuẩn mực mới trong phát triển kinh tế xã hội, yêu cầu mới trong xây dựng quy hoạch đô thị và nông thôn, cũng như một loạt những căn “bệnh đô thị” thường xuyên xảy ra, từ đây đã bộc lộ rõ tính chưa hoàn thiện của hệ thống quản lý quy hoạch

Quy hoạch đô thị là mục tiêu, quy mô phát triển đô thị, sử dụng đất, bố cục không gian, triển khai trong một khoảng thời gian nhất định và thực hiện các biện pháp, hướng dẫn và kiểm soát xây dựng đô thị, căn cứ theo luật pháp thực hiện bảo vệ và quản lý nguồn không gian đô thị,

có tính toàn diện và tính chiến lược.

Một số bộ phận, khi thực hiện những công việc liên quan tới quy hoạch, họ thường bắt đầu từ góc độ của ngành công nghiệp, kiểm soát theo chiều dọc, phạm vi yêu cầu của quy hoạch đô thị, hoạch định “khu vực cụ thể” phù hợp với “nhu cầu chuyên môn”, dẫn đến sự mâu thuẫn giữa quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và bố cục không gian quy hoạch đô thị, giữa cơ sở hạ tầng với hạ tầng dịch vụ công cộng, khiến quy hoạch đô thị bị “cắt xén”, không thể thực hiện được chức năng chỉnh thể thành phố và phát triển lâu dài, không có lợi cho sự phát triển toàn diện và phối hợp trong khu vực, cũng không có lợi cho sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp.

Ngoài ra, công tác quy hoạch đô thị đang ngày càng phải đối mặt với mâu thuẫn giữa lợi ích cộng đồng và lợi ích cá nhân, giữa lợi ích chung của xã hội là lợi ích nhóm và mâu thuẫn giữa nhu cầu xã hội trong ngắn hạn và lợi ích lâu dài, để giải quyết những mâu thuẫn này một cách khách quan, đòi hỏi việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cần có sự tham gia của công chúng. Trong thực tế, do sự tham gia của công chúng, sẽ làm tăng chi phí và kéo dài thời gian làm việc, cũng như khi có sự tham gia của công chúng đồng nghĩa với việc sẽ có nhiều ý kiến trái chiều, nên rất khó khăn để đạt được một sự đồng thuận, một số đô thị đã chủ động không cho công chúng tham gia, thậm chí sự tham gia của công chúng chỉ là hình thức.

II. Ý tưởng cơ bản trong cải cách hệ thống quản lý quy hoạch

Để thay đổi sâu hệ thống quản lý quy hoạch, nhất thiết phải tôn trọng quy luật phát triển đô thị, thực hiện theo tư tưởng phát triển: Đổi mới, phối hợp, xây dựng xanh, mở rộng phát triển và chia sẻ, cố gắng giải quyết những vấn đề còn tồn tại liên quan đến hệ thống quản

lý quy hoạch hiện hành. *Thứ nhất*, xác định rõ quyền hạn trong quản lý quy hoạch không gian, thông qua việc điều chỉnh chức năng đô thị, giải quyết những vấn đề chông chéo quyền hạn quy hoạch không gian. *Thứ hai*, giải quyết những vấn đề liên quan tới xây dựng, sửa đổi quy hoạch, hoàn thiện cơ chế quyết sách quy hoạch đô thị, thực hiện cơ chế giám sát và cơ chế trách nhiệm, tăng cường hình phạt đối với hành vi quy hoạch, duy trì tính thẩm quyền và tính nghiêm trọng trong quy hoạch. *Thứ ba*, cần tăng cường mức độ công khai, thúc đẩy công chúng tham gia, xây dựng quy hoạch trên cơ sở lợi ích của tất cả các bên, bảo vệ lợi ích cộng đồng ở mức cao nhất, để quy hoạch đô thị thực sự trở thành một công cụ chính sách quản lý công hiệu quả.

III. Trọng tâm công tác cải cách hệ thống quản lý quy hoạch

Cải cách hệ thống quản lý quy hoạch chính là kiện toàn hệ thống xây dựng, rõ ràng quyền và trách nhiệm, quản lý trật tự, nhưng trong công việc cần chú trọng tới việc phân cấp, mở rộng kết hợp, chuẩn hóa hoạt động và quyền lực hành chính, đảm bảo xây dựng một cách khoa học và thực hiện nghiêm các quy hoạch đô thị.

1. Trách nhiệm của bộ phận quản lý

Một trong những nội dung chủ yếu của hệ thống quản lý quy hoạch chính là phân chia quyền hạn trong không gian quy hoạch, bao gồm quản lý phê duyệt quy hoạch, thực hiện quản lý quy hoạch, quản lý kiểm tra giám sát... Cần tăng cường thiết kế hệ thống cấp cao nhất, hợp lý hóa đồng thời làm rõ quyền hạn quản lý quy hoạch không gian trong quy hoạch và phát triển cải cách, bảo vệ môi trường... Cần hợp nhất giữa công tác quản lý quy hoạch đô thị với bộ phận quản lý tài nguyên, để giảm bớt rào cản về thể chế, tránh xảy ra xung đột nội bộ.

2. Kiện toàn cơ chế quản lý quy hoạch

Kiện toàn và hoàn thiện các tổ chức chính phủ, chuyên gia, hợp tác giữa các ban ngành,

có sự tham gia của công chúng, quyết sách có tính khoa học. Thông qua sự tham gia của công chúng, đánh giá của chuyên gia, công bố công khai, đánh giá rủi ro... xác định thủ tục pháp lý quan trọng đối với đô thị, kiện toàn cơ chế quản lý quyết sách quy hoạch. Khi tổ chức xây dựng quy hoạch đô thị, cần thông qua nhiều kênh khác nhau để hiểu được tình hình thực tế của người dân và nhu cầu lợi ích, để quy hoạch đô thị hợp với lòng dân. Đặc biệt là cần tăng cường tính công khai trong quy hoạch chi tiết

3. Thúc đẩy hợp nhất các quy hoạch

Thúc đẩy các đô thị tích cực hội nhập với quy hoạch không gian mà những bộ phận liên quan đã thiết lập, xây dựng quy hoạch đô thị thành một nền tảng chung, bổ sung chức năng cho nhau, phân cấp quản lý hệ thống quy hoạch không gian. Tích cực thí điểm quy hoạch không gian và thiết lập tiêu chuẩn cho công việc. Đồng thời, tăng cường toàn diện công tác quy hoạch tổng thể, thông qua định tính, định lượng, định hình, định giới và chính sách, thống nhất mục tiêu phát triển, chỉ số kỹ thuật, tọa độ không gian, tiêu chuẩn bản vẽ, thúc đẩy đô thị và các thị trấn hợp nhất quy hoạch.

4. Tăng cường thực hiện giám sát các cấp quy hoạch

Hoàn thiện hệ thống giám sát quy hoạch, từng bước xác định quyền hạn của địa phương và trung ương, thiết lập 3 cấp giám sát quốc gia, tỉnh và đô thị, thông qua phương thức tăng cường liên kết giám sát, thúc đẩy nhân viên giám sát phát huy vai trò lớn hơn và có trách nhiệm hơn trong công việc. Đối với trường hợp sai sót trong quy hoạch, đặc biệt là thực hiện quy hoạch tổng thể đô thị không đúng quy định pháp luật, cần phải tập trung thanh tra và giám sát đối tượng, có biện pháp trừng phạt nặng.

Triệu Vĩ

Nguồn: <http://www.chinajsb.cn>, (Trang web Quy hoạch của Trung Quốc, ngày 28/3/2016)

ND: Bích Ngọc

HỘI THẢO GIỮA KỲ “XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ QUỐC GIA”

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2016



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo